

## **LỜI MỞ ĐẦU**

*Cùng với cả nước đang hướng tới mốc cuối cùng của năm 2019, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội khép lại một năm với nhiều thành tựu rất đỗi tự hào, ghi những dấu mốc mới trong chặng đường 58 năm xây dựng và phát triển.*

*Nhìn lại hành trình hữu hạn với biết bao thăng trầm nhưng cũng rất đỗi vinh quang và vẻ vang đạt được của năm 2019, năm được coi như năm “bản lề” của với nhiều chương trình, kế hoạch dài hạn. Nhà trường vừa kết thúc chặng đường đầu tiên sau 5 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/T.U về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; năm cuối thực hiện “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”... Đây cũng là năm Bản tin Giáo dục thể chất và Thể thao trường học thực hiện năm thứ 2 với ấn phẩm mang những màu sắc riêng, thể hiện rõ một bản tin đang hướng tới mục tiêu cao hơn.*

*Đặc biệt với số năm 2019, số mà Ban biên tập mong muốn mang tới độc giả những bài báo, những công trình khoa học... trọng tâm, trọng điểm, coi đó như một sự tổng kết, đánh giá thực tiễn, đúc rút ra những bài học kinh nghiệm để tạo đà cho chặng đường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo, đồng thời cũng thêm một sự khẳng định những đóng góp to lớn của tập thể cán bộ viên chức, người lao động, người học Nhà trường trong quá trình xây dựng và phát triển về giáo dục thể chất và thể thao trường học.*

*Tuy nhiên, do khuôn khổ ấn phẩm giới hạn nên không thể sử dụng hết các bài viết của các nhà khoa học, nhà giáo, cán bộ, viên chức, người lao động, người học, Ban biên tập rất mong nhận được sự lượng thứ và mong muốn tiếp tục nhận được các bài viết, các ý kiến đóng góp cho những số tiếp theo, để Bản tin Giáo dục thể chất và Thể thao trường học thực sự trở thành cầu nối giữa Nhà trường với các trường đại học, các viện nghiên cứu chuyên ngành về TDTT, các Trung tâm huấn luyện TDTT, các trường phổ thông trong cả nước.*

*Nhân dịp chuẩn bị bước sang năm mới 2020, Ban biên tập xin gửi lời chúc, lời cảm ơn tới các thế hệ cán bộ, nhà giáo đã miệt mài cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của Nhà trường. Xin gửi lời cảm ơn tới các nhà khoa học đã nhận xét, phản biện; cảm ơn các tác giả, các độc giả, các cựu sinh viên đã luôn đồng hành cùng Nhà trường. Đặc biệt xin cảm ơn Cục Báo chí- Bộ thông tin và Truyền thông đã cấp phép hoạt động cho Bản tin, tạo nền tảng cho Nhà trường từng bước xây dựng tạp chí.*

*Xin trân trọng giới thiệu Bản tin Giáo dục thể chất và Thể thao trường học số 4 năm 2019 tới các đồng nghiệp trong và ngoài nước.*

**TỔNG BIÊN TẬP**

**TS. Nguyễn Duy Quyết**

## LÝ LUẬN THỰC TIỄN

- **Nguyễn Duy Quyết, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thành Chung, Nguyễn Minh Tư**  
Thành lập Trường Phổ thông năng khiếu và Thực hành sư phạm trong Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, sự cần thiết để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới. 3

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- **Phạm Thị Linh, Mai Thị Ngoãn, Nguyễn Thị Mai Thoan, Hoàng Công Dân**  
Lựa chọn một số trò chơi vận động nhằm nâng cao thể lực cho học sinh Trường THCS Hoàng Diệu. 25
- **Nguyễn Xuân Lâm, Phạm Văn Đức**  
Lựa chọn một số bài tập nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong kỹ thuật đập cầu của nam học sinh khối 10 Trường THPT Liên Sơn, Vĩnh Phúc. 29
- **Nguyễn Vũ Hồng Nhung**  
Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật gạt bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc. 37
- **Hoàng Thu Thủy**  
Xây dựng một số biện pháp nhằm nâng cao kết quả học tập môn tin học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội. 44

## DIỄN ĐÀN- TRAO ĐỔI

- **Nguyễn Minh Tư, Hường Xuân Nguyên** 50  
Bồi dưỡng giáo viên Giáo dục thể chất để đáp ứng đổi mới giáo dục phổ thông.
- **Vũ Thị Huyền, Đào Lan Hương, Nguyễn Duy Quyết** 56  
Một số giải pháp nâng cao hứng thú trong giờ học lý thuyết cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

# THÀNH LẬP TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU VÀ THỰC HÀNH SỰ PHẠM TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỰ PHẠM TDTT HÀ NỘI, SỰ CẦN THIẾT ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI

TS. Nguyễn Duy Quyết\*, PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn\*\*

ThS. Nguyễn Thành Chung\*\*\*

**Tóm tắt:** Trường thực hành sự phạm cho các trường đại học sự phạm đào tạo giáo viên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân vừa làm chức năng của một trường học thực hiện đầy đủ nhiệm vụ dạy - học và giáo dục theo kế hoạch được giao, vừa được chọn làm cơ sở thực hành của trường đại học sự phạm để tạo ra môi trường sự phạm nhằm góp phần hình thành nhân cách người giáo viên, đổi mới phương pháp dạy - học và giáo dục cho học sinh. Đây là mô hình được nhiều quốc gia có nền giáo dục phát triển thực hiện. Ở nước ta, đến nay đã có rất nhiều trường thực hành sự phạm được thành lập và hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên trong lĩnh vực về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất hiện chưa có trường nào. Vì vậy việc thành lập một trường phổ thông năng khiếu và thực hành sự phạm trong Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội để nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên và ươm mầm tài năng thể dục thể thao (TDTT) là vô cùng cần thiết.

**Từ khóa:** Phổ thông năng khiếu và thực hành sự phạm, ươm mầm tài năng thể dục thể thao.

**Abstract:** Pedagogical practice schools for teachers training universities of the national education system both function as a school to fulfill the task of teaching - learning and educating according to the assigned plan and are selected as a practical basis of pedagogical universities to create a pedagogical environment to contribute to the formation of teachers' personality, innovation of teaching - learning and educational methods for students. This is a model implemented by many countries with developed education. In our country, so far, many pedagogical practice schools have been established and operated effectively. However, in the field of training physical education teachers, there is currently no school. Therefore, the establishment of a gifted and pedagogical practice high school in Hanoi University of Physical Education and Sports to improve the quality of training teachers and cultivate talents for physical education and sports is extremely necessary.

**Keywords:** a gifted and pedagogical practice high school, nurturing talents in sports.

## 1.1. Sự cần thiết thành lập

### 1.1.1. Chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về chiến lược phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học

Thể dục thể thao nói chung, giáo dục thể chất và thể thao trường học nói riêng có ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ, tăng cường sức khỏe, phát triển và hoàn thiện thể chất cho con người, góp phần tích cực vào quá trình bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần phong phú, lối sống lành mạnh nhằm thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Vai trò đặc biệt quan trọng này

đã được quy định trong các văn bản của Đảng và Nhà nước, như Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020; Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường; Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về

việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; Gần đây nhất tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 đã xác định mục tiêu tổng quát là: Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trường học nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên cho trẻ em, học sinh, sinh viên; gắn giáo dục thể chất, thể thao trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, lành mạnh cho trẻ em, học sinh, sinh viên, đồng thời góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước. Đặc biệt là Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đã nhấn mạnh thực trạng giáo dục Việt Nam là: “Hệ thống GD&ĐT thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành”, từ đó khẳng định cần phải thực hiện “Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa GD&ĐT”. Như vậy, việc thành lập Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm sẽ rất cần thiết để khắc phục thực trạng trên, là cơ hội để đổi mới phương thức GD&ĐT, tăng tính liên thông giữa các bậc học, đặc biệt vừa tăng cơ hội thực hành cho các giáo viên tương lai, vừa thực hiện được mục tiêu phát hiện, bồi dưỡng tài năng TDTT.

### ***1.1.2. Thực hiện chiến lược phát triển của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội***

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tiền thân là Trường Thể dục Thể thao, thuộc Bộ Giáo dục (Nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo), thành lập tại Quyết định số 99/QĐ, ngày 27/02/1961. Trải qua 58 năm xây dựng và phát triển Trường nhiều lần đổi tên và nâng cấp. Năm 2008, Trường được Chính phủ nâng cấp thành trường đại học tại Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2008, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội tại Quyết định số 164/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Trường có nhiệm vụ:

- Đào tạo giáo viên TDTT trình độ đại học và sau đại học.
- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên TDTT.
- Nghiên cứu và ứng dụng khoa học giáo dục thể chất.
- Đào tạo kiến thức quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp khu vực Hà Nội.

Xác định vị trí, nhiệm vụ và sứ mạng về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, trong từng giai đoạn Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện thực tế. Trong đề án phát triển tổng thể năm 2008 đến năm 2020, tầm nhìn 2030 và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Quyết định số 3881/QĐ-BGDĐT, ngày 14/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án phát triển tổng thể Nhà trường đến năm 2020, Trường đặt ra mục tiêu thành lập Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, nhằm hoàn thiện mô hình, cơ cấu tổ chức theo định hướng phát triển chung của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, đồng thời cũng là yêu cầu tất yếu đối với một cơ sở đào tạo giáo viên như Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Đây là mô hình hoàn toàn phù hợp với xu thế chung trên thế giới,

đồng thời sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội về truyền thống giáo dục, đội ngũ nhà khoa học đầu ngành và thể hiện được ưu thế nổi bật về khoa học giáo dục của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội. Việc xây dựng và hoàn thiện mô hình Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm không những đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay mà còn khẳng định vai trò tiên phong trong GD&ĐT của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

### **1.1.3. Nhu cầu thực hành của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội**

Hằng năm, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội có hơn 300 sinh viên đi kiến tập tại 3 trường THCS trong địa bàn huyện Chương Mỹ cách trường từ 5 đến 10 km, (giao thông không thuận lợi). Đặc biệt vào năm cuối sinh viên thực tập sư phạm tại trên 20 trường THPT ở các tỉnh thành khu vực miền Bắc. Vì vậy, còn nhiều khó khăn trong việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP); mô hình thực tập sư phạm, rèn luyện NVSP còn bất cập; thời lượng chưa đáp ứng, thời gian đi thực tập sư phạm tập trung theo đợt, sinh viên chưa được tham gia đầy đủ vào các hoạt động sư phạm và giáo dục ở trường phổ thông trong cả năm học; chưa có sự gắn kết giữa lý luận và thực hành trong chương trình đào tạo cho sinh viên để rèn luyện thường xuyên; Sự phối kết hợp, ràng buộc và gắn kết trách nhiệm giữa Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội và các trường THPT chưa cao.

Bởi vậy, việc xây dựng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm có mô hình, chương trình đào tạo hiện đại trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội sẽ tạo điều kiện quan trọng cho Trường bảo đảm các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, đồng thời có thể tạo ra những phát triển có tính chất đột phá, gắn với thực hiện sứ mệnh của Trường Đại

học Sư phạm TĐTT Hà Nội nói riêng, thực hiện sâu sắc Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.

### **1.1.4. Xu thế phát triển trên thế giới và trong nước**

Tại hầu hết các nước trên thế giới, theo thông lệ các cơ sở đào tạo giáo viên đều có trường thực hành (Demonstration School) nhằm đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa quá trình đào tạo giáo viên với quá trình chuẩn bị vào nghề (cùng phối hợp tổ chức đào tạo hàn lâm và đào tạo kỹ năng nghề).

Đào tạo giáo viên như một nghề chuyên nghiệp (giống như luật và y khoa): đào tạo cẩn thận về kỹ năng nghề. Ở các nước như Hà Lan, Phần Lan, Mỹ, Nhật Bản... giáo viên phải có bằng thạc sĩ và có chứng chỉ hành nghề sư phạm ... Ở Phần Lan, chỉ có sinh viên giỏi/xuất sắc mới được nộp đơn thi tuyển vào học sư phạm.

Hội đồng quốc gia kiểm định giáo viên của Hoa Kỳ (National Council for Accreditation of Teacher Education, NCATE); mô hình đào tạo giáo viên cho thế kỷ 21 (A Teacher Education Model for the 21 Century) do Viện Giáo dục Quốc gia Singapore (NIE) triển khai đều nhấn mạnh đến việc gắn kết trách nhiệm đào tạo nghề cho giáo viên tương lai giữa trường đại học và trường THPT thực hành, với các mô tả nhiệm vụ cụ thể cho từng bên.

Đào tạo giáo viên đang đi theo cách tiếp cận thực tế. Trong vòng khoảng 30 năm gần đây, các nước Hà Lan, Phần Lan, Nhật, Mỹ, Pháp, Singapore, Hàn Quốc và một số nước khác đã chú trọng việc chuyển từ mô hình đào tạo giáo viên truyền thống theo đường tuyến tính "lý thuyết - giáo sinh - thực tế" sang hướng tương tác "thực tế - giáo sinh - lý thuyết", đặc biệt chú ý đến sự phát triển toàn diện cá nhân của các giáo viên tương lai, nhấn mạnh kết hợp phát triển kỹ năng nghề và các động cơ, tâm huyết với nghề; cho họ học qua trải nghiệm nghề hết sức cẩn thận qua từng mục tiêu học nghề dạy với chính

mình, với bạn cùng học và các thầy cô trong trường đại học cũng như các thầy cô và học sinh tại các trường phổ thông.

Trường thực hành là mô hình đã tồn tại trong các cơ sở đào tạo giáo viên của các nước từ nhiều thập kỷ qua, đặc biệt ở nhiều nước trong vùng Đông Nam Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc... Trường thực hành là minh chứng về hình mẫu tiên phong trong đào tạo giáo viên, chuyển giao công nghệ đào tạo, chất lượng dạy học và giáo dục của các cơ sở đào tạo giáo viên. Đã có nhiều trường thực hành hoạt động thành công và hiệu quả như: trường thực hành của Trường ĐHSP Bắc Kinh (Trung Quốc), Đại học Chulalongkon (Thái Lan)... Rất nhiều trường thuộc các cấp học khác nhau của các nước này thường đến các trường thực hành để học tập. Đây là địa chỉ tin cậy để các cơ sở đào tạo giáo viên đưa giáo sinh xuống thực hành, giúp họ chủ động trong các hoạt động thực tập sư phạm có sự định hướng và hỗ trợ sát sao của đội ngũ chuyên gia, cố vấn đa dạng và đủ năng lực trong mạng lưới hợp tác đào tạo của các cơ sở đào tạo giáo viên.

Ở Việt Nam, trường thực hành sư phạm cho các trường đại học sư phạm (ĐHSP) đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở bao gồm trường mầm non, trường tiểu học và trung học cơ sở thuộc hệ thống giáo dục quốc dân vừa làm chức năng của một trường học thực hiện đầy đủ nhiệm vụ dạy - học và giáo dục theo kế hoạch được giao, vừa được chọn làm cơ sở thực hành của trường ĐHSP để tạo ra môi trường sư phạm nhằm góp phần hình thành nhân cách người giáo viên, đổi mới phương pháp dạy - học và giáo dục cho học sinh. Chính vì vậy, ở nước ta đến nay đã có rất nhiều trường thực hành sư phạm đã được thành lập và hoạt động có hiệu quả.

Hiện nay, ở nước ta có các trường THPT thực hành của Trường ĐHSP Hà

Nội, Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHSP Hà Nội II, Trường ĐHKH Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Trường ĐHSP Sài Gòn trước đây (trước 1975 có trường trung học kiểu mẫu Thủ Đức). Theo đó, các trường THPT thực hành là nơi sinh viên sư phạm kiến tập và thực tập, học tập, rèn luyện nghề nghiệp thực tế. Tại các trường THPT thực hành, sinh viên sư phạm được dự giờ, hướng dẫn, thực hành dạy học bởi những giáo viên giàu kinh nghiệm; tham gia vào mọi hoạt động giáo dục trong nhà trường. Trường THPT thực hành nằm trong trường ĐHSP có nhiều lợi thế như: thu hút được nhiều giảng viên giỏi, am hiểu chương trình phổ thông, những sinh viên ưu tú tốt nghiệp tham gia dạy học; hỗ trợ về cơ sở vật chất, tài chính từ trường đại học; là nơi chuyển giao thành tựu khoa học của trường đại học; chương trình giáo dục thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân. Thực tế triển khai cho thấy, trường THPT thực hành là địa chỉ tin cậy để phụ huynh học sinh gửi con em theo học, chất lượng đào tạo được khẳng định qua một số thành tích như thi học sinh giỏi, thi đại học, văn nghệ, thể thao. Tuy nhiên, các trường THPT thực hành hiện nay đang tồn tại một số hạn chế như: kiến tập, thực tập của sinh viên sư phạm không khác nhiều so với các trường bên ngoài trường đại học (sinh viên chưa thực sự được nhúng trong môi trường phổ thông trong thời gian dài); sự kết nối giữa đào tạo đại học sư phạm và trường thực hành còn nhiều hạn chế (sự tham gia của giảng viên với trường phổ thông, giáo viên phổ thông với đại học chưa nhiều); các chương trình giáo dục và việc thể nghiệm, chuyển giao công nghệ, khoa học giáo dục tiên tiến trong nhà trường còn cứng nhắc. Trong khi đó, các trường năng khiếu TDTT tuy đã được hình

thành trong hầu hết các tỉnh thành và đã thực sự phát huy hiệu quả, trở thành nơi ươm mầm của nhiều vận động viên tiêu biểu của thành phố và quốc gia, đóng góp nhiều huy chương ở đấu trường quốc gia, quốc tế nhưng số trường phổ thông năng khiếu chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh, nhất là khu vực miền Bắc và thành phố Hà Nội, số trường năng khiếu TDTT còn rất ít.

### **1.2. Tính khác biệt của Trường phổ thông thực hành và năng khiếu TDTT**

#### **1.2.1. Trường phổ thông gắn với trường đại học**

Học sinh được học tập dưới sự giảng dạy của các giảng viên đại học của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, những người có kiến thức sâu không chỉ về chuyên môn mà còn rộng về khoa học giáo dục (quản lý giáo dục, tâm lý, tổ chức và các lĩnh vực Giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, an ninh).

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội có lợi thế trong việc phân công giảng viên tham gia cố vấn học tập (school mentor - advisor), thực hiện các hoạt động hướng dẫn, tư vấn tâm lý học đường, chăm sóc sức khỏe tâm thần; cán bộ tư vấn hướng nghiệp, du học...

Học sinh được nghiên cứu về giáo dục ngay từ THCS, THPT, được ươm tạo tài năng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất.

Học sinh được thụ hưởng các kết quả nghiên cứu xuất sắc nhằm nâng cao hiệu quả học tập từ các thành tựu nghiên cứu giáo dục và từ thành tựu của nhóm nghiên cứu mạnh của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Học sinh được đào tạo tích hợp để phát triển năng lực toàn diện theo mô hình phát triển đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

Học sinh được sử dụng chung hệ thống thư viện, nhà thi đấu, sân bãi tập luyện, phòng thí nghiệm, ký túc xá... của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

#### **1.2.2. Có chương trình đào tạo chuyên biệt về năng khiếu TDTT**

- Chương trình dạy học và giáo dục của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội được tích hợp giữa chương trình chính khóa và các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất, TDTT trên cơ sở đảm bảo nội dung theo quy định hiện hành và yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Chương trình dạy học và giáo dục của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội được tổ chức đáp ứng theo nhu cầu và năng lực người học, trong đó chú trọng phát triển năng lực phát triển thể chất, trải nghiệm thực tế TDTT và định hướng nghề nghiệp, nổi bật như:

- Bổ sung chương trình dạy học các môn năng khiếu TDTT để học sinh lựa chọn theo định hướng tiếp cận năng lực và phù hợp với khả năng phát triển của học sinh.

- Tăng cường năng lực hoạt động TDTT, tư vấn học đường. Học sinh được thực nghiệm trong phòng thí nghiệm, thực hành các hoạt động TDTT.

#### **1.2.3. Đội ngũ giáo viên, giáo sinh chất lượng cao**

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm sử dụng nguồn giáo viên chất lượng cao của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được đón nhận đội ngũ giáo sinh từ Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tới để tham gia vào các hoạt động học tập, vui chơi của học sinh, quan sát các biểu hiện tâm lý của học sinh để đảm bảo mỗi em học sinh sẽ có được sự phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng tốt nhất.

Mỗi giáo sinh sẽ được giao phụ trách từ 01-03 học sinh, các giáo sinh không chỉ là người hướng dẫn cho các em mà còn là một kênh kết nối giữa nhà trường và học sinh.

### 1.3. Căn cứ pháp lý thành lập Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm

Việc đề xuất thành lập Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội được căn cứ vào các văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

- Luật Thể dục, thể thao năm 2006;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 16/2014/TT-BGDĐT ngày 16/5/2014 của Bộ GD&ĐT về ban hành Quy chế hoạt động của trường thực hành sư phạm;

- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Căn cứ Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Quyết định số 1556/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2017 của Bộ GD&ĐT về thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

- Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây;

- Quyết định số 164/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây thành Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

- Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020;

- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường;

- Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;



- Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 32/2003/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao trong giáo dục phổ thông;

- Căn cứ Thông báo số 158/TB-BGDĐT, ngày 04/3/2019 thông báo kết luận của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ tại Hội nghị “Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học” trong ngành Giáo dục;

- Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô;

- Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

## II. TẦM NHÌN, SỨ MẠNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ VỊ TRÍ PHÁP LÝ CỦA TRƯỜNG PHỔ THÔNG

### 2.1. Tầm nhìn và sứ mạng

#### 2.1.1. Tầm nhìn

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội phấn đấu trở thành mô hình Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm tiên tiến, chất lượng cao của Việt Nam.

#### 2.1.2. Sứ mạng

Là nơi thực hành cho sinh viên sư phạm, đào tạo tinh hoa và ươm tạo các nhà khoa học giáo dục trẻ dựa trên việc thụ hưởng các công nghệ giáo dục thể chất tiên tiến; góp phần tiên phong trong đổi mới giáo dục thể chất và thể thao trường

học; triển khai có hiệu quả thành tựu khoa học giáo dục giáo dục thể chất trong nhà trường.

### 2.2. Mục tiêu

#### 2.2.1. Mục tiêu chung

Triển khai đào tạo chương trình phổ thông, gắn với phát triển năng khiếu, tài năng thể thao. Học sinh sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học được các cấp học cao hơn ở trong và ngoài nước; là cơ sở thực hành, hợp tác phát triển và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực đào tạo giáo viên giáo dục thể chất; là nơi ươm tạo tài năng cho thế hệ các nhà nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất và là nơi ứng dụng và triển khai có hiệu quả các thành tựu khoa học giáo dục trong đào tạo giáo viên, góp phần đổi mới giáo dục phổ thông.

#### 2.2.2. Mục tiêu đầu ra

**Mục tiêu 1.** Xây dựng cơ sở thực hành, hợp tác phát triển và hội nhập quốc tế chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên giáo dục thể chất; là trung tâm kết nối với các cơ sở đào tạo phổ thông trong và ngoài nước

- Là nơi sinh viên sư phạm thực hành, thực tập hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục thể chất;

- Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành bộ môn, phương tiện công nghệ dạy học đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu dạy học;

- Các chương trình liên kết hợp tác giữa Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm với các đơn vị nghiên cứu, cơ sở đào tạo giáo viên giáo dục thể chất trong và ngoài nước;

- Các chương trình trao đổi học thuật, văn hóa giáo dục, phát triển chuyên môn nghiệp vụ được ký kết với các đối tác nước ngoài dành cho đối tượng học sinh, giáo viên Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm và giảng viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

**Mục tiêu 2.** Triển khai có hiệu quả các chương trình giáo dục chất lượng cao ở cấp phổ thông; học sinh sau khi tốt nghiệp

học tiếp được các cấp học cao hơn trong và ngoài nước.

- Các chương trình giáo dục, chương trình nhà trường đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh theo chuẩn; đồng thời phát triển năng lực cá nhân theo sở trường và nhu cầu nghề nghiệp sau này.

- Kết quả, thành tích học tập, phẩm chất, năng lực cá nhân của học sinh từng cấp học: đáp ứng yêu cầu, tiêu chí kiểm tra đánh giá của Phòng GD&ĐT huyện Chương Mỹ (đối với cấp THCS); Sở GD&ĐT thành phố Hà Nội (đối với cấp THPT), học tiếp được tại các trường đại học ở Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới theo nhu cầu và năng lực của từng học sinh;

- Đạt thành tích khả quan, cử được nhiều học sinh tham gia các giải TDTT trong nước và quốc tế.

**Mục tiêu 3.** Xây dựng mô hình ươm tạo người giáo viên, nhà khoa học giáo dục thể chất tài năng.

- Trường Phổ thông Năng khiếu TDTT được xây dựng theo mô hình và cơ chế vận hành của trường phổ thông thực hành, có sự chọn lọc các môn học thuộc khối kiến thức bắt buộc của Bộ GD&ĐT;

- Quy trình kết hợp giữa nhà trường phổ thông, cơ sở đào tạo giáo viên và nghiên cứu khoa học giáo dục;

- Các chương trình, quy trình đào tạo, phương pháp công nghệ dạy học, quy trình kiến tập, thực tập sư phạm mới được áp dụng trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nhà giáo dục (teacher-educator) chất lượng cao;

- Là nơi triển khai và ứng dụng nghiên cứu trong lĩnh vực đào tạo giáo viên, khoa học giáo dục và phát triển con người.

**Mục tiêu 4.** Học sinh được trang bị kỹ năng về các hoạt động thi đấu TDTT, phát triển phong trào thể thao trường học.

- Học sinh được phát triển thể lực toàn diện, được trang bị kiến thức, kỹ năng vận

động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên;

- Học sinh được trang bị tốt các năng lực: năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo; năng lực; năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác; năng lực thi đấu TDTT;

- Hình thành và phát triển kỹ năng tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, kỹ năng sống qua đó hình thành cho các em những phẩm chất công dân Việt Nam tốt đẹp đồng thời có thể chung sống trong cộng đồng văn hóa toàn cầu.

### 2.3. Phạm vi hoạt động

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tuyển sinh các đối tượng học sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh thành trên cả nước theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, phòng GD&ĐT huyện Chương Mỹ, Sở GD&ĐT Thành phố Hà Nội, của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

### 2.4. Tên gọi, trụ sở và vị trí pháp lý

#### 2.4.1. Tên gọi

Tên tiếng Việt: Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm

Tên tiếng Anh: Gifted school and pedagogical practice

#### 2.4.2. Trụ sở

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được đặt trong khuôn viên của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, có trụ sở chính đặt tại Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (được quy hoạch khu riêng biệt, có lối đường đi, cổng ra vào riêng).

#### 2.4.3. Vị trí pháp lý

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội là trường phổ thông thực hành công lập chất lượng cao thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập trên cơ sở hiệp ý của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và đề

ngiht của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội; đượ tổ chức và hoạt độn theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng;

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm do Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội quản lý toàn diện về công tác tổ chức, đội ngũ giáo viên, tổ chức quản lý và đào tạo, cơ sở vật chất, tài chính và tuyển sinh.

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm chịu sự quản lý nhà nước của Phòng GD&ĐT (đối với cấp THCS); Sở GD&ĐT Thành phố Hà Nội (đối với cấp THPT) về tuyển sinh, thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo, tổ chức thi tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh đủ điều kiện nhận bằng và thực hiện chế độ thông tin báo cáo thống kê theo quy định hiện hành.

### **III. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU VÀ THỰC HÀNH SƯ PHẠM**

#### **3.1. Chức năng và nhiệm vụ**

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm có chức năng đào tạo học sinh THCS và THPT. Học sinh của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm đượ phát triển toàn diện về nhân cách và đượ trang bị các kỹ năng mềm cần thiết cho quá trình hội nhập. Đồng thời là nơi triển khai tiến bộ khoa học giáo dục, ươm tạo tài năng cho các nhà nghiên cứu khoa học giáo dục, nơi thực hành sư phạm, thực tập sư phạm và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, học viên của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm có một số nhiệm vụ chính sau đây:

- Dạy học và giáo dục: Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm có trách nhiệm tổ chức các hoạt động dạy

học và giáo dục học sinh theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quy chế hoạt động của trường thực hành sư phạm; tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội; Phối hợp với Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội và các cơ sở đào tạo giáo viên tổ chức hướng dẫn thực hành sư phạm, thực tập sư phạm và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên của sinh viên sư phạm;

- Ứng dụng nghiên cứu khoa học: Phối hợp với Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm khoa học giáo dục; triển khai ứng dụng các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục tiên tiến vào thực tiễn hoạt động của nhà trường; đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục, cải tiến nội dung, phương pháp đào tạo của trường phổ thông thực hành, của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

- Phát triển các nguồn lực để đáp ứng yêu cầu của hoạt động thực hành sư phạm;

- Hợp tác và phát triển: Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm phối kết hợp với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học, giáo dục học sinh, tạo thêm nguồn lực và tăng thêm uy tín cho Trường.

- Đượ mời giảng viên của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm và cơ sở đào tạo giáo viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động giảng dạy, giáo dục của trường.

- Thử nghiệm, phổ biến, vận dụng sáng kiến, kinh nghiệm, thành tựu mới về khoa học giáo dục để nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục và thực hành sư phạm.

Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm do Hiệu trưởng Trường Đại

học Sư phạm TĐTT Hà Nội phê duyệt và ban hành.

### **3.2. Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm bao gồm:

- 1) Hội đồng trường
- 2) Ban Giám hiệu
- 3) Các Tổ chuyên môn
- 4) Tổ Văn phòng; bộ phận chuyên giao công nghệ, giáo sinh
- 5) Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể
- 6) Các lớp, tổ học sinh, khối lớp; Ban phụ huynh
- 7) Các hội đồng khác trong nhà trường.

#### **3.2.1. Hội đồng trường**

Hội đồng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục.

Hội đồng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm gồm: đại diện tổ chức Đảng, Ban Giám hiệu, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các Tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng của nhà trường. Hội đồng trường có Chủ tịch, 01 thư ký và các thành viên. Tổng số thành viên của Hội đồng trường từ 9 - 13 người.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm: Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường; Quyết nghị về quy định hoặc sửa đổi, bổ sung quy định tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; Giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; Giám sát các hoạt động của nhà trường.

Hội đồng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm họp thường kỳ ít nhất ba lần trong một năm. Trong trường hợp cần thiết, khi Hiệu trưởng hoặc ít nhất một phần ba số thành viên Hội đồng trường đề nghị, Chủ tịch Hội đồng trường có quyền triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường. Chủ tịch Hội đồng trường có thể mời đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, đại diện chính quyền và đoàn thể địa phương tham dự cuộc họp của Hội đồng trường khi cần thiết. Phiên họp Hội đồng trường được coi là hợp lệ khi có mặt từ ba phần tư số thành viên của Hội đồng trở lên (trong đó có Chủ tịch Hội đồng). Quyết nghị của Hội đồng trường được thông qua bằng biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản tại cuộc họp và chỉ có hiệu lực khi được ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt tại cuộc họp nhất trí. Quyết nghị của Hội đồng trường được công bố công khai.

#### **3.2.2. Ban Giám hiệu**

Ban Giám hiệu Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm gồm: Hiệu trưởng và không quá 02 Phó Hiệu trưởng.

Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo; là đại diện pháp lý cao nhất của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trong quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội về các hoạt động của Trường. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

Với mục đích tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm hoạt động trong giai đoạn mới thành lập, dự kiến Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội sẽ kiêm làm Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm.

Phó Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm. Phó Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được Hiệu trưởng phân công phụ trách một số mặt công tác của Trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hiệu trưởng về những công việc được phân công. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

### **3.2.3. Tổ Văn phòng, Bộ phận chuyên giao công nghệ**

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm có Tổ Văn phòng gồm các viên chức, nhân viên làm công tác giáo vụ, văn thư, tài vụ, thiết bị trường học, giám thị và các nhân viên phục vụ cho việc dạy và học. Tổ Văn phòng có 01 Tổ trưởng và 01 Tổ phó.

Giáo sinh từ Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm cử xuống sẽ được bộ phận quản lý giáo sinh quản lý, các giáo sinh phải tuân theo kế hoạch hoạt động và đào tạo của Trường Phổ thông năng khiếu và thực hành sư phạm. Giáo sinh Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội được thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong suốt thời gian của chương trình đào tạo giáo viên, được tham gia vào các hoạt động của nhà trường, công tác chủ nhiệm, cố vấn, hỗ trợ học sinh theo qui định.

Tổ Văn phòng do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, giải

thể theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Phổ thông năng khiếu và Thực hành sư phạm. Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Văn phòng trực thuộc Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm.

Bộ phận chuyên giao công nghệ là đơn vị đầu mối tiếp nhận và triển khai áp dụng các phương pháp, công nghệ đào tạo tiên tiến trong dạy học, kiểm tra đánh giá, quản lý nhà trường, lớp học, tư vấn tâm lý học đường và hướng nghiệp; phối hợp với các Tổ chuyên môn đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục tổng thể; các giải pháp đánh giá, cải tiến mô hình, nội dung chương trình và phương pháp đào tạo giáo viên, quản lý và chính sách trong giáo dục.

### **3.2.4. Tổ chuyên môn**

*Giáo viên trong Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm (gồm cả Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng) được tổ chức thành các Tổ chuyên môn. Mỗi Tổ chuyên môn có 01 Tổ trưởng, từ 01 đến 02 Tổ phó.*

Các Tổ chuyên môn bao gồm các giáo viên giảng dạy phân thành các Tổ Khoa học Tự nhiên, Tổ Khoa học Xã hội, Tổ TĐTT.

Các Tổ chuyên môn trong Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm. Hiệu trưởng Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ chuyên môn trực thuộc Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm.

### 3.2.5. Tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn

Chi bộ Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trực thuộc Đảng bộ Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là hạt nhân chính trị, lãnh đạo đảng viên và tuyên truyền, vận động các thành viên trong Trường thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghĩa vụ của đơn vị đối với Nhà nước và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các thành viên trong đơn vị; xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Công đoàn Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được tổ chức dưới hình thức là một công đoàn bộ phận trực thuộc Công đoàn Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng ủy Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội; có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên, viên chức và người lao động... và thực hiện các quyền của tổ chức công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện quy chế dân chủ. Cùng với Hiệu trưởng đưa ra các giải pháp cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của viên chức và người lao động, tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện trong và ngoài Trường.

Tổ chức vận động viên chức, người lao động thực hiện nghĩa vụ của viên chức, người lao động, cải tiến lề lối làm việc và thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

Chi đoàn Đoàn Thanh niên Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trực thuộc Đoàn Thanh niên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng ủy Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội và theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

### 3.2.6. Các hội đồng khác trong nhà trường

- *Hội đồng thi đua và khen thưởng*: được thành lập vào đầu mỗi năm học để giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Bí thư cấp ủy Đảng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong, Tổ trưởng Tổ chuyên môn, Tổ trưởng Tổ văn phòng và các giáo viên chủ nhiệm lớp.

- *Hội đồng kỷ luật*:

Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét hoặc xóa kỷ luật đối với học sinh theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật do Hiệu trưởng quyết định thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đoàn Thanh niên, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong, giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh phạm lỗi, một số giáo viên có kinh nghiệm giáo dục và Trường ban đại diện cha mẹ học sinh của trường;

Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét và đề nghị xử lý kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, viên chức khác theo từng vụ việc. Việc thành lập, thành phần và hoạt động của Hội đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Hiệu trưởng có thể thành lập các hội đồng tư vấn khác theo yêu cầu cụ thể của từng công việc. Nhiệm vụ, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng này do Hiệu trưởng quy định.

## IV. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

### 4.1. Chương trình dạy học và chương trình giáo dục

Chương trình đào tạo của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được kế thừa và phát triển có chọn lọc trên cơ sở chương trình chung dành cho cấp THCS và THPT, quy định về trường phổ

thông thực hành do Bộ GD&ĐT ban hành theo định hướng phát triển năng lực học sinh, đáp ứng các mục tiêu đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế, chuẩn đầu ra của học sinh khối THCS và THPT.

Đối với lớp năng khiếu thể dục thể thao tổ chức giảng dạy các môn học cho học sinh có điều chỉnh về thời lượng và nội dung của một số hoạt động và môn học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho loại hình trường chuyên biệt. Tổ chức huấn luyện các môn thể dục thể thao theo kế hoạch và chương trình đã được phê duyệt; tổ chức các hoạt động thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục đa dạng khác nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, ươm mầm năng khiếu cho học sinh.

### **4.2. Cấu trúc của chương trình**

Chương trình dạy học và giáo dục của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được cấu trúc, sắp xếp theo hệ thống các môn học, các chủ đề/chuyên đề học tập, đảm bảo sự linh hoạt, mềm dẻo, theo tiếp cận năng lực đầu ra, mang đặc trưng của mô hình trường phổ thông năng khiếu và thực hành sư phạm có tính hội nhập quốc tế, phù hợp với đối tượng học sinh các khối lớp, cấp học.

Các môn học, chủ đề/chuyên đề học tập của Trường được chia thành 02 nhóm phù hợp với định hướng phát triển năng lực cá nhân, đặc thù của nhóm ngành nghề xã hội bao gồm: bắt buộc (BB) và tự chọn (TC). Nội dung học tập bắt buộc tạo nên nền tảng kiến thức phổ thông, không thể thiếu đối với mỗi học sinh. Nội dung bắt buộc bao gồm các môn học theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Thành phố Hà Nội, của Phòng GD&ĐT.

Nội dung học tập TC đáp ứng nhu cầu, sở thích và năng riêng của các đối tượng học tập khác nhau.

- Nhóm môn học/chủ đề/hoạt động TC được phân loại như sau:

+ TC1: Học sinh bắt buộc chọn một số môn học thể thao trong hệ thống chương

trình của nhà trường để tham gia học tập, hoạt động.

+ TC2: Học sinh có thể chọn hay không chọn để học tập.

Khối môn học tăng cường và bổ trợ của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm do Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội thiết kế theo định hướng phân hóa năng lực học sinh, nhu cầu xã hội. Trong đó, một số môn học về lĩnh vực TDTT sẽ được giảng dạy, huấn luyện theo chương trình huấn luyện.

Dựa trên kế hoạch triển khai hằng năm, kết quả đánh giá, phân loại năng lực học sinh, Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm sẽ tổ chức các lớp môn học phù hợp với nhóm đối tượng học sinh và các lớp môn học thể thao cho học sinh lựa chọn đăng kí.

### **4.3. Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học**

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm áp dụng phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận phát triển năng lực, theo chuẩn, dạy học gắn với nghiên cứu, định hướng hội nhập quốc tế.

Việc triển khai chương trình giáo dục nhà trường thực hiện theo phương thức đảm bảo tính logic, thống nhất giữa các môn học và hoạt động giáo dục, tiếp cận tích hợp liên môn, đa môn; huy động nguồn lực chung trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa các tổ bộ môn của Trường với các Khoa của Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội trong các hoạt động chuyên môn và phát triển nghề nghiệp; hợp tác chặt chẽ với cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội tạo điều kiện và hỗ trợ Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm triển khai các phương thức đào tạo tiên tiến. Trong quá trình triển khai chương trình dạy học và giáo dục, các kết quả nghiên cứu, hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực đào tạo giáo viên của

Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội được ứng dụng và chuyên giao nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tổng thể của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm.

Hệ thống môn học, chủ đề/chuyên đề/chủ đề học tập trong chương trình của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được triển khai dưới các hình thức đa dạng: dạy học lí thuyết kết hợp thực hành, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm, làm việc hợp tác theo nhóm, sinh hoạt câu lạc bộ... do giáo viên bộ môn đảm nhiệm, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cố vấn của trường, giảng viên, chuyên gia giáo dục và giáo sinh của Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.

Các phương pháp dạy học tích cực được áp dụng theo tiếp cận dạy học phân hóa, cá thể hóa, hình thành và phát triển năng lực, năng khiếu của học sinh.

Hệ thống các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả thực hiện dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, dạy học điện tử (E-learning), dạy học giáp mặt và dạy học hỗn hợp (Blended learning), ứng dụng các công cụ công nghệ mới trong dạy học và quản lí quá trình dạy học.

Giáo viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên quy định tại Điều lệ trường tiểu học, trung học và Điều 63, 64 của Luật giáo dục. Huấn luyện viên các trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của huấn luyện viên quy định tại Quyết định 12/2008/QĐ-BVHTTDL tiêu chuẩn nghiệp vụ của các ngạch viên chức ngành Thể dục thể thao đã được thay thế bởi Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức Thể dục thể thao. Ngoài ra giáo viên, huấn luyện viên còn có các nhiệm vụ và quyền sau:

a) Phát hiện những học sinh có năng khiếu thể dục thể thao để đề nghị nhà

trường tuyển vào các trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao.

b) Tổ chức các lớp tập luyện, các buổi biểu diễn, thi đấu thể dục thể thao cho học sinh theo chương trình, kế hoạch của nhà trường.

c) Trực tiếp huấn luyện các môn thể dục thể thao nhằm nâng cao thành tích thể dục thể thao cho học sinh.

d) Tham mưu cho nhà trường về các điều kiện phục vụ giảng dạy, huấn luyện, xây dựng các chỉ tiêu tuyển sinh, tham gia công tác tuyển sinh các môn năng khiếu thể dục thể thao.

e) Tổ chức kiểm tra đánh giá xếp loại học sinh cuối học kỳ và cuối năm về chuyên môn thể dục thể thao theo quy định. Đề xuất với nhà trường những học sinh được tuyển vào, tiếp tục tập luyện hoặc không được tiếp tục tập luyện các môn năng khiếu thể dục thể thao.

f) Được hưởng chế độ phụ cấp và các chế độ, chính sách ưu tiên, ưu đãi khác của Nhà nước hiện hành và của địa phương đối với giáo viên, huấn luyện viên.

#### ***4.4. Triển khai hoạt động thực hành sư phạm, nghiên cứu khoa học giáo dục, chuyển giao công nghệ đào tạo***

Hoạt động thực hành sư phạm, nghiên cứu khoa học giáo dục, chuyển giao công nghệ đào tạo của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được thực hiện theo Quy chế hoạt động của trường thực hành sư phạm (Điều 3, Thông tư số 16/2014/TT-BGDĐT ngày 16/5/2014 của Bộ GD&ĐT), do 01 phó hiệu trưởng phụ trách.

##### ***4.4.1. Hoạt động thực hành sư phạm***

Với vai trò là một chủ thể trong đào tạo giáo viên của Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội, Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm triển khai các nhiệm vụ sau:

- Phối hợp tổ chức quản lí và hướng dẫn thực hành, thực tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho sinh viên, học viên cao học;



- Phối hợp đánh giá chất lượng, năng lực sư phạm của sinh viên tốt nghiệp, học viên cao học;

- Phối hợp tham gia, điều chỉnh, đề xuất nội dung thực hành, thực tập sư phạm trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo giáo viên.

Hoạt động thực hành sư phạm được thiết kế tích hợp trong chương trình giáo dục tổng thể của nhà trường theo kế hoạch năm học. Giáo sinh Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội được thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong suốt thời gian của chương trình đào tạo giáo viên, được tham gia vào các hoạt động của nhà trường, công tác chủ nhiệm, cố vấn, hỗ trợ học sinh theo qui định.

Hệ thống phòng học của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được bố trí phù hợp để triển khai chức năng dạy học và triển khai thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Ngoài ra, Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm bố trí hệ thống phòng dạy học mẫu với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động thực hành, thực tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho giáo sinh của Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.

#### **4.4.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục, chuyên giao công nghệ đào tạo**

Thực hiện kế hoạch hằng năm, Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội triển khai các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên.

Triển khai áp dụng các phương pháp, công nghệ đào tạo tiên tiến trong dạy học, kiểm tra đánh giá, quản lý nhà trường, lớp học, tư vấn tâm lý học đường và hướng nghiệp

Tham gia và đề xuất các đề tài, dự án nghiên cứu, dự án thể nghiệm trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo giáo viên.

Tham gia bồi dưỡng, phát hiện và ươm tạo các tài năng sư phạm, các nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo giáo viên; phối hợp tổ chức đánh giá chất lượng giáo viên phổ thông.

Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục tổng thể; các giải pháp đánh giá, cải tiến mô hình, nội dung chương trình và phương pháp đào tạo giáo viên, quản lý và chính sách trong giáo dục.

Thực hiện các hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu về giáo dục phổ thông, quản lý và chính sách trong GD&ĐT giáo viên.

Chuyên giao kết quả nghiên cứu, các sáng kiến kinh nghiệm trong thực tiễn giáo dục của trường, tạo sự lan tỏa trong hệ thống các trường THPT.

#### **4.5. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh**

Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện theo định hướng đánh giá quá trình, đánh giá dựa trên năng lực thực hiện (đánh giá thực), đánh giá thường xuyên theo tiến trình và định kì vì sự tiến bộ của người học; được tích hợp chặt chẽ trong quá trình dạy học và giáo dục.

Hình thức kiểm tra đánh giá học sinh được triển khai đa dạng, đảm bảo tính khách quan, phân hóa, chính xác và công bằng, tạo cơ hội cho học sinh bộc lộ năng lực cá nhân, bao gồm:

- Đánh giá bằng bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan, tự luận;

- Đánh giá bằng các bài báo cáo, tiểu luận;

- Đánh giá sản phẩm thực hiện dự án học tập, kết quả nghiên cứu;

- Đánh giá xếp loại đối với lĩnh vực năng khiếu thể dục thể thao được đánh giá qua tinh thần thái độ hăng say tập luyện, trình độ chuyên môn kỹ thuật, quan trọng nhất là sự tiến triển về thành tích thể dục thể thao hoặc có khả năng đạt thành tích cao trong thể dục thể thao.

Trường sử dụng các bài thi, đề thi đánh giá chuẩn theo năng lực của Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội để đánh giá kết quả học tập của học sinh. Các kết quả đánh giá được lưu giữ thành hồ sơ đánh giá cho từng học sinh.

### **4.6. Học liệu**

Trên cơ sở Chương trình dạy học và giáo dục được phê duyệt, học liệu được Nhà trường đưa vào sử dụng trong dạy học bao gồm:

- Hệ thống sách giáo khoa hiện hành của Việt Nam,

- Hệ thống các chuyên đề bài giảng do Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội chủ trì biên soạn (các chuyên đề đã được tích hợp, cấu trúc lại dựa trên chương trình chuẩn do Bộ GD&ĐT hướng dẫn ban hành); các Tổ chuyên môn của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm phối hợp biên soạn.

- Hệ thống sách giáo khoa của nước ngoài được Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội lựa chọn, thông qua đề sử dụng tham khảo; học sinh được tiếp cận hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung.

### **4.7. Tuyển sinh**

#### **4.7.1. Độ tuổi:**

Lớp năng khiếu thể dục thể thao tuyển học sinh bắt đầu tập các môn thể dục thể thao có độ tuổi phù hợp từng môn. Để đảm bảo thời gian tập luyện đạt thành tích cao, tuổi bắt đầu tập tối đa không quá 15 tuổi. (Học sinh học tập, tập luyện tại lớp năng khiếu thể dục thể thao, tuổi tối đa không quá 20 tuổi).

- Tuyển vào lớp năng khiếu thể dục thể thao: Có tố chất vận động tốt, có năng khiếu TDTT, đạt điểm chuẩn theo các chỉ số quy định của từng môn TDTT cụ thể.

- Tuyển vào trường năng khiếu thể dục thể thao: Có tố chất vận động rất tốt, có năng khiếu thể dục thể thao, có khả năng nâng cao thành tích thể thao, đã tập môn thể dục thể thao đó tại các lớp năng khiếu thể dục thể thao trong các trường phổ thông, được nhà trường giới thiệu chuyển lên hoặc có triển vọng đạt thành tích cao trong thể dục thể thao.

#### **4.7.2. Kế hoạch tuyển sinh**

Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường, Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm lập kế hoạch, phương án tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phê duyệt.

d) Hình thức và nội dung tuyển sinh

Hình thức: Thi kiểm tra tố chất vận động, năng khiếu thể dục thể thao

Đạo đức và học lực căn cứ theo hồ sơ, học bạ đã có.

Nội dung: Kiểm tra hồ sơ học bạ để xác định hạnh kiểm và học lực.

Kiểm tra hình thái, chức năng, tố chất vận động theo các chỉ số quy định của từng môn thể dục thể thao.

Yêu cầu: Kiểm tra các nội dung phải được tiến hành công khai, chính xác và công bằng đối với tất cả các học sinh.

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm; đề xuất nội dung thi tuyển, mức độ và cấu trúc đề thi; thực hiện các khâu trong quy trình tuyển sinh được giao theo đúng quy chế thi. Trường dự kiến bắt đầu tuyển sinh ở khối 6 từ năm học 2020-2021.

Trong những năm đầu tổ chức tuyển sinh, Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm sử dụng đồng thời kết quả thi tuyển, xét tuyển của nhà trường.

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

### \* Quy mô tuyển sinh trong 05 năm đầu

Năm học	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Lớp 6	50	75	100	130	150
Lớp 7					
Lớp 8					
Lớp 9					
<b>Lớp 10</b>		50	75	100	125
<b>Lớp 11</b>					
<b>Lớp 12</b>					

### 4.8. Cơ cấu nhân sự để đảm bảo vận hành hoạt động của Trường

#### 4.8.1. Cơ cấu nhân sự tới năm 2021 (Chi tiết tại Phụ lục I)

TT	cơ cấu	Số lượng
<b>1</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>07</b>
1.1.	Ban Giám hiệu	03
1.2	Tổ Văn phòng	05
1.3	Bộ phận chuyên giao công nghệ, Giáo sinh	02
<b>2</b>	<b>Cán bộ dạy học</b>	<b>43</b>
2.1	Toán	04
2.2	Lý	02
2.3	Hóa	02
2.4	Sinh	03
2.5	Văn	03
2.6	Sử	02
2.7	Địa	02
2.8	Tiếng Anh	02
2.9	Giáo dục công dân	02
2.10	Quốc phòng	01
2.11	Công nghệ	02
2.12	Tin học	02
2.13	Tư vấn học đường	01
2.14	Mỹ thuật, âm nhạc	02
	<b>TỔNG SỐ</b>	

#### 4.8.2. Nguyên tắc tuyển dụng và quản lý nhân sự

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm xây dựng đội ngũ viên chức, giáo viên và người lao động theo các nguyên tắc sau:

1) Tối đa hóa việc liên thông trong sử dụng nguồn lực là viên chức, giảng viên có trình độ chuyên môn cao từ Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội (xem Phụ lục I) và các giáo viên giỏi khác

từ các trường THPT/THPT thực hành khác về tham gia giảng dạy.

2) Đủ về số lượng, đảm bảo tỷ lệ giáo viên cơ hữu trên tổng số giáo viên của trường không dưới 50%; đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn, đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định trong Luật Giáo dục. Phần đầu tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học đạt trên 70% tổng số giáo viên.

3) Mời các giáo viên dạy giỏi thành phố, quốc gia về làm giáo viên thỉnh giảng của

trường; Mời các giáo viên người nước ngoài tham gia đào tạo, huấn luyện TĐTT.

4) Căn cứ nhu cầu hoạt động và nguồn thu bổ sung từ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và triển khai dịch vụ của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm ký hợp đồng thuê, khoán đối với những công việc không bố trí biên chế thường xuyên; ký hợp đồng lao động thời vụ hoặc ngắn hạn với các cá nhân khác theo quy định của pháp luật và của Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội. Đồng thời, Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được giao chỉ tiêu nhân lực để tuyển dụng viên chức, thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao.

### **4.8.3. Các điều kiện về nhân lực cụ thể**

1) Nhà trường sẽ tiến hành tuyển dụng giáo viên tham gia giảng dạy cơ hữu, đảm bảo đáp ứng đủ 100% nhu cầu giảng dạy.

2) Nguồn tuyển dụng được lấy từ các giảng viên đang tham gia giảng dạy phổ thông từ các nguồn: i) Giáo viên cơ hữu ký hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động được tuyển chọn từ các sinh viên, học viên cao học tốt nghiệp loại khá giỏi của các trường đại học đào tạo về sư phạm; ii) Giáo viên chuyển về cơ hữu từ đội ngũ nhân lực trình độ cao của Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, điều kiện tham gia dạy học tại Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm.

3) Để nâng cao hiệu quả công tác điều hành và phát triển, đội ngũ cán bộ chủ chốt và giáo viên cơ hữu của Trường sẽ được thường xuyên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội và các cơ sở đào tạo khác tổ chức.

4) Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm có Quy chế chi tiêu nội bộ được Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội phê duyệt và Hiệu trưởng quyết định ban hành đảm bảo trả lương và thu nhập theo năng lực và theo hiệu quả, sản phẩm đầu ra.

5) Nguồn mời giảng được lấy từ các nguồn sau:

- Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ là cán bộ, giảng viên đang dạy học tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội có chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với các môn học văn hóa, môn học TĐTT bổ sung được dạy học tại Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm. Đây là nguồn nhân lực thể mạnh của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm để có thể dựa vào đó lựa chọn và huy động giáo viên, cán bộ quản lý cho hoạt động của Trường.

- Nguồn giáo viên mời giảng từ các trường quốc tế có uy tín, có quan hệ tốt với Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội trong những năm vừa qua như: Trường Đại học TĐTT Vũ Hán (Trung Quốc)...

## **V. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

### **5.1. Điều kiện đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất**

Các công trình xây dựng và sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn diện tích đất và tiêu chuẩn sàn xây dựng theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, đáp ứng Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND về việc ban hành quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp dạy học và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.

Hệ thống giảng đường, thư viện, giáo trình, ký túc xá học liệu được đầu tư hiện đại phục vụ học tập, dạy học, nghiên cứu, đáp ứng được các yêu cầu của trường THPT. Hệ thống trang thiết bị nghiên cứu, phòng thí nghiệm sử dụng chung được đầu tư hiện đại, chuyên sâu phục vụ đào tạo trình độ cao, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao KH&CN. Đồng thời, có thể kết nối với hệ thống phòng thí nghiệm nghiên cứu cơ bản của các đơn vị trong Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đảm bảo điều kiện học tập và dạy học.

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Khu vực hành chính được đầu tư trang thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm việc trong môi trường quốc tế để thu hút các giáo viên, nhà khoa học, chuyên gia và quản lý. Khu dịch vụ, văn hóa, thể thao hiện đang sử dụng đảm bảo sự tiện ích và nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, giáo viên và học sinh của Trường.

### 5.2. Phương án cơ sở vật chất

#### 5.2.1. Phương án sử dụng

Sau khi thành lập và tuyển sinh vào năm 2020, trong 5 năm đầu hoạt động (2020-2025), Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm sử dụng cơ sở vật chất tòa nhà thí nghiệm thể chất để làm khu học lý thuyết; sử dụng sân bãi, nhà tập, bể bơi, thư viện, phòng thí nghiệm dùng chung với

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị phục vụ đào tạo. Hoạt động nào cần trước sẽ ưu tiên thiết lập hạng mục cơ sở vật chất trước, đảm bảo công năng, hiệu quả sử dụng. Sau đó, cùng với lộ trình đầu tư xây dựng Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội tại phía Tây Nhà trường sẽ trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, bố trí địa điểm, diện tích đảm bảo theo đúng quy định hiện hành và huy động nguồn tài chính để xây dựng cơ sở vật chất của Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm nằm trong khuôn viên của Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội dự kiến hoàn thành vào năm 2030.

#### 5.2.2. Danh mục cơ sở vật chất tối thiểu cần có cho năm học 2020 - 2021

##### a. Danh mục cơ sở vật chất ban đầu cần đầu tư

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Phòng học và làm việc</b>	<b>37</b>		
1	Phòng học	18	2,2 m <sup>2</sup> /học sinh	30hs/lớp
2	Phòng máy (Tin học)	02	50m <sup>2</sup> / phòng	
3	Phòng học thí nghiệm	03	50m <sup>2</sup> / phòng	
4	Phòng Ban Giám Hiệu	03	25m <sup>2</sup> / phòng	
5	Văn phòng phục vụ	03	45m <sup>2</sup> / phòng	
6	Phòng chuyên giao công nghệ giáo dục	01	45m <sup>2</sup> / phòng	
7	Phòng Tổ chuyên môn	04	25m <sup>2</sup> / phòng	
8	Phòng giáo sinh	01	45m <sup>2</sup> / phòng	
9	Phòng y tế	01	25m <sup>2</sup>	
10	Phòng họp	01	100m <sup>2</sup>	
<b>II</b>	<b>Khu vực ngoài trời</b>	<b>02</b>	<b>1.500 m<sup>2</sup></b>	
1	Sân chơi, bãi tập	<b>01</b>	1000 m <sup>2</sup>	
2	Nhà để xe	<b>01</b>	500 m <sup>2</sup>	

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

### b. Danh mục thiết bị phục vụ khác

TT	Thiết bị phục vụ dạy học	Số lượng	Ghi chú
1	Ti vi	2	
2	Bàn ghế học tập	18	30 bộ bàn ghế/phòng
3	Bàn ghế phòng làm việc	13	Tùy theo chức năng của từng phòng
4	Đầu Video/đầu đĩa	6	
5	Máy chiếu	6	
6	Máy quay, máy ảnh	2	
7	Hệ thống loa các lớp	12	
8	Bảng	18	
9	Máy tính	60	
10	Camera quan sát	15	

### c. Trang thiết bị thông minh cho phòng học (giai đoạn đầu dự kiến đầu tư 03 phòng học thông minh):

TT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Số lượng
1	Bảng tương tác (kèm phần mềm tạo bài giảng)	Chiếc	1
2	Máy chiếu cự ly gần	Chiếc	1
3	Máy tính xách tay	Chiếc	1
4	Tủ đựng thiết bị	Chiếc	1
5	Bảng trượt nhiều lớp	Chiếc	1
6	Loa cột	Chiếc	4
7	Bộ thu micro không dây	Bộ	2
8	Micro không dây cầm tay	Bộ	1
9	Micro cài ve áo	Chiếc	1
10	Bàn ghế giáo viên	Bộ	1
11	Bàn ghế học viên 2 ghế	Bộ	20
12	Điều hòa 2 chiều 24000BTU	Chiếc	2
13	Bộ phát Wifi	Bộ	1
14	Rèm trong phòng	Hệ thống	1
15	Cửa chính ra vào	Bộ	1
16	Cải tạo, sửa chữa nhỏ	Hệ thống	1

Về nơi ở cho các em học sinh đến từ các tỉnh thành khác trong cả nước được bố trí nhà C2 KTX của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội (có lối đi riêng biệt).

### VI. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo tự cân đối thu chi, trong đó nguồn thu từ học phí về cơ bản đảm bảo kinh phí hoạt động thường

xuyên. Trong 5 năm đầu mới thành lập được Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội hỗ trợ cấp chỉ tiêu nhân lực khung; được sử dụng các cơ sở vật chất phòng học, trang thiết bị hiện chưa sử dụng đến để hoạt động ổn định, đồng thời, thực hiện các quy định pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và những quy định hiện hành khác liên quan.

### **6.2. Phần thu học phí, thu phí cơ sở vật chất, lệ phí để trang trải chi phí hoạt động chung**

- Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội và cấp thẩm quyền giao thu phí, lệ phí và phí cơ sở vật chất được xác định xây dựng trên cơ sở tính toán bảo đảm toàn bộ hoạt động phục vụ làm căn cứ để Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội thẩm định phê duyệt.

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có) và các khoản thu được thỏa thuận trên cơ sở các nguồn chi hợp lý hợp lệ có căn cứ đảm bảo cho Trường hoạt động chất lượng tốt nhất nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học.

### **6.3. Nội dung chi kinh phí được Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội giao thực hiện chế độ tự chủ**

a) Các khoản chi thanh toán cho cá nhân: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định.

Đối với cán bộ nhân viên hợp đồng thuê khoán, vụ việc thực hiện theo quy định luật lao động, mức chi trả lương do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở hạch toán thu chi các hoạt động thu bổ sung của Trường tính toán lấy thu bù chi, đảm bảo các hoạt động chung của Trường.

b) Chi thanh toán dịch vụ công cộng, chi phí thuê mượn, chi vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc.

c) Chi hội nghị, công tác phí trong nước, chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam.

d) Các khoản chi đặc thù phát sinh thường xuyên hằng năm theo chức năng, nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phân bổ giao dự toán thực hiện.

đ) Chi thuê, mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện, vật tư; sửa chữa thường xuyên tài sản cố định (ngoài kinh phí sửa chữa lớn, mua sắm tài sản cố định lớn có hỗ trợ của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội).

e) Các khoản chi phục vụ cho công tác thu phí và lệ phí theo quy định.

g) Các khoản chi có tính chất thường xuyên khác: Nghiệp vụ sư phạm, Kiến tập thực tập, thực tế, dã ngoại...

## **VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **7.1. Kết luận**

Nhu cầu nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của tiến trình toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức ngày càng cao, đòi hỏi sự đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT. Học tập ở trường THCS và THPT là bước chuẩn bị cho học sinh nền tảng năng lực phẩm chất để trở thành công dân có ích, là bước chuẩn bị quan trọng nghề nghiệp sau này. Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm được thành lập là bước đi vững chắc hướng tới mục tiêu đó, với sự kết hợp với các khoa trong Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội và sự đổi mới dạy học, nghiên cứu khoa học nhằm tạo nên ngôi trường thực hành hiện đại, đảm bảo học sinh phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần nhưng vẫn giữ bản sắc truyền thống của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội với mô hình nằm trong trường đại học và dưới sự quản lý thống nhất của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội được thừa hưởng những thành quả nghiên cứu khoa học giáo dục từ Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, đồng thời có thể định hướng sớm và chuẩn bị chu đáo cho học sinh của Trường khi bước vào cánh cửa đại học, như phát triển sớm các kỹ năng, năng khiếu...

Việc hình thành và đưa vào hoạt động Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là cần thiết, phù hợp với chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT của Đảng, Nhà nước và nhu cầu thực tế của giáo dục THCS và THPT ở Thành phố Hà Nội nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm đi vào hoạt động không những góp phần giải quyết vấn đề quá tải ở hệ thống phổ thông ở khu đô thị mới mà còn

mang đến một mô hình đào tạo tiên tiến, hiệu quả, tạo đầu vào trực tiếp cho Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội và đầu ra chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, TĐTT.

### 7.2. Kiến nghị

Xuất phát từ thực tế trên, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, phê duyệt

thành lập Trường Phổ thông Năng khiếu và Thực hành sư phạm trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội để đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, đồng thời ươm mầm tài năng thể thao cho nước nhà.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;
2. Luật Thể dục, thể thao năm 2006;
3. Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ;
4. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
5. Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
6. Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
7. Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
8. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
9. Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020;
10. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường;
11. Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;
12. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
13. Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;
14. Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;
15. Thông tư số 16/2014/TT-BGDĐT ngày 16/5/2014 của Bộ GD&ĐT về ban hành Quy chế hoạt động của trường thực hành sư phạm;
16. Quyết định số 1556/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2017 của Bộ GD&ĐT về thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
17. Quyết định số 32/2003/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao trong giáo dục phổ thông;
18. Thông báo số 158/TB-BGDĐT, ngày 04/3/2019 thông báo kết luận của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ tại Hội nghị “Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học” trong ngành Giáo dục.



## LỰA CHỌN MỘT SỐ TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG NHẪM NÂNG CAO THỂ LỰC CHO HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HOÀNG DIỆU

CN. *Phạm Thị Linh\**,  
ThS. *Mai Thị Ngoãn, ThS. Nguyễn Thị Mai Thoan\**  
PGS.TS. *Hoàng Công Dân\*\**

**Tóm tắt:** Quá trình thực nghiệm ứng dụng 16 trò chơi vận động cho học sinh lớp 6 trường THCS Hoàng Diệu với thời gian một năm học đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Tỷ lệ xếp loại theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể có sự khác biệt, nhóm thực nghiệm tốt hơn hẳn nhóm đối chứng.

**Từ khóa:** Hiệu quả, trò chơi vận động, thể lực, học sinh, trung học cơ sở.

**Abstract:** *The results of applying 16 sports games for grade 6th students at Hoang Dieu Secondary School with a period of one academic year have brought about remarkable results. The rate of classification according to physical training standards is different, the experimental group is much better than the control group.*

**Keywords:** *efficiency, sports games, physical strength, students, junior high school.*

### 1. Đặt vấn đề

Ở trường THCS Hoàng Diệu, các trò chơi vận động ít được giáo viên sử dụng hoặc có sử dụng nhưng chưa phù hợp, đặc biệt là các học sinh khối 6 mới trong giai đoạn chuyển tiếp từ cấp 1 sang cấp 2. Qua tìm hiểu thực tiễn công tác giảng dạy môn thể dục ở trường THCS Hoàng Diệu cho thấy, các trò chơi vận động ứng dụng trong các giờ học còn chưa đa dạng, phong phú. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến kết quả xếp loại theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của Bộ Giáo và Đào tạo của học sinh trường THCS Hoàng Diệu. Do vậy, lựa chọn và đánh giá hiệu quả các trò chơi vận động trong giờ thể dục là hết sức cần thiết.

### 2. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm; Phương pháp kiểm tra sự phạm; Phương pháp thực nghiệm sự phạm; Phương pháp toán học thống kê.

#### 2.2. Kết quả nghiên cứu

Sử dụng các phương pháp khoa học, đề tài đã lựa chọn được 16 trò chơi vận động: Nhóm trò chơi vận động rèn luyện định hướng phản xạ, khéo léo và tập trung chú ý (6 trò chơi vận động); Nhóm trò chơi vận động phát triển thể lực (10 trò chơi vận động). Đề tài đã tiến hành thực nghiệm từ tháng 09/2018 đến tháng 06/2019 - tương ứng với 1 năm học. Đối tượng thực nghiệm là học sinh lớp 6 trường THCS Hoàng Diệu. Đánh giá thể lực của cả hai nhóm thông qua tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Sau khi hoàn thành quá trình thực nghiệm, đề tài tiến hành kiểm tra đánh giá thể lực của đối tượng nghiên cứu ở hai nhóm thực nghiệm và đối chứng thông qua các test đã xác định.

Kết quả đánh giá nhịp độ tăng trưởng của hai nhóm thu được trình bày ở bảng 1 và 2.

\* CV Khoa Đào tạo sau đại học

\*\* Trưởng khoa CL-ĐC-BB-QV;

\*\*\*GV Khoa Điện kinh- Thể dục, Trường DHSPTDTT Hà Nội

\*\*\*\* Nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Thể thao

**THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**Bảng 1. Nhịp độ tăng trưởng của các test đánh giá trình độ thể lực của nhóm thực nghiệm qua các giai đoạn của quá trình thực nghiệm (n<sub>nam</sub> = 37, n<sub>nữ</sub> = 33)**

TT	Test	Giới tính	Kết quả kiểm tra qua các giai đoạn thực nghiệm ( $\bar{x} \pm \delta$ )			Nhịp độ tăng trưởng (W%)		
			Ban đầu (1)	Sau 5 tháng (2)	Kết thúc (3)	W <sub>1-2</sub>	W <sub>2-3</sub>	W <sub>1-3</sub>
1	Nằm ngửa gập bụng (s)	Nam	8.3	11.8	14.7	34.8	21.9	55.7
		Nữ	7.4	9.1	10.9	20.6	18.0	38.3
2	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam	131.2	159.9	170.9	19.7	6.7	26.3
		Nữ	132.4	147.1	156.8	10.5	6.4	16.9
3	Chạy con thoi 4 × 10m (s)	Nam	13.65	12.09	12.01	12.1	0.7	12.8
		Nữ	14.33	13.01	12.49	9.7	4.1	13.7
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam	814.6	888.5	954.1	8.7	7.1	15.8
		Nữ	691.4	783.5	831.5	12.5	5.9	18.4
	$\bar{W}$	Nam				<b>16.44</b>	<b>9.82</b>	<b>26.02</b>
		Nữ				<b>14.62</b>	<b>7.94</b>	<b>20.36</b>

**Bảng 2. Nhịp độ tăng trưởng của các test đánh giá trình độ thể lực của nhóm đối chứng qua các giai đoạn của quá trình thực nghiệm (n<sub>nam</sub> = 34, n<sub>nữ</sub> = 36)**

TT	Test	Giới tính	Kết quả kiểm tra qua các giai đoạn thực nghiệm ( $\bar{x} \pm \delta$ )			Nhịp độ tăng trưởng (W%)		
			Ban đầu (1)	Sau 5 tháng (2)	Kết thúc (3)	W <sub>1-2</sub>	W <sub>2-3</sub>	W <sub>1-3</sub>
1	Nằm ngửa gập bụng (s)	Nam	8.2	8.2	8.4	0.0	2.4	2.4
		Nữ	7.3	7.5	7.6	2.7	1.3	4.0
2	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam	132.3	134.7	141.7	1.8	5.1	6.9
		Nữ	131.9	135.8	139.2	2.9	2.5	5.4
3	Chạy con thoi 4 × 10m (s)	Nam	13.78	13.46	13.13	2.3	2.5	4.8
		Nữ	14.31	14.15	14.05	1.1	0.7	1.8
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam	816.7	815.1	820.3	0.2	0.6	0.4
		Nữ	689.4	697.9	706.8	1.2	1.3	2.5
	$\bar{W}$	Nam				<b>0.96</b>	<b>2.24</b>	<b>3.12</b>
		Nữ				<b>1.66</b>	<b>1.18</b>	<b>2.80</b>

Từ kết quả ở bảng 1 và bảng 2 thấy, diễn biến thành tích ở tất cả các test đánh giá thể lực của nhóm thực nghiệm tăng lên lớn hơn so với nhóm đối chứng, đồng thời nhịp tăng trưởng của nhóm thực nghiệm cũng lớn hơn so với nhóm đối chứng ở các giai đoạn thực nghiệm: Nhịp tăng trưởng nhóm thực nghiệm tăng trung bình từ 9.82% đến 26.02% đối với nam, và 7.94%

đến 20.36% đối với nữ; nhịp tăng trưởng nhóm đối chứng tăng từ 0.96% đến 3.12% đối với nam, và 1.18% đến 2.80% đối với nữ.

Sau khi kết thúc quá trình thực nghiệm sự phạm, đề tài tiến hành so sánh kết quả xếp loại tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, kết quả thu được như trình bày ở bảng 3 và 4.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Bảng 3. So sánh tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của nam học sinh 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm sau thực nghiệm**

Xếp loại	Kết quả xếp loại tiêu chuẩn rèn luyện thân thể		Tổng
	Nhóm TN (n = 37)	Nhóm ĐC (n = 34)	
Đạt	34	19	53
	91.9%	55.9%	
Không đạt	3	15	18
	8.1%	44.1%	
<b>Tổng</b>	<b>37</b>	<b>34</b>	<b>71</b>
<b>So sánh</b>	<b><math>\chi^2 = 12.1402</math> ; <b>P = 0.0013 &lt; 0.01</b></b>		

**Bảng 4. So sánh tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của nữ học sinh 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm sau thực nghiệm**

Xếp loại	Kết quả xếp loại tiêu chuẩn rèn luyện thân thể		Tổng
	Nhóm TN (n = 33)	Nhóm ĐC (n = 36)	
Đạt	31	19	50
	93.9%	52.8%	
Không đạt	2	17	19
	6.1%	47.2%	
<b>Tổng</b>	<b>33</b>	<b>36</b>	<b>69</b>
<b>So sánh</b>	<b><math>\chi^2 = 14.6193</math> ; <b>P = 0.0004 &lt; 0.001</b></b>		

Từ kết quả thu được ở các bảng 3 và 4 khi so sánh kết quả xếp loại tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của 2 nhóm đối tượng nghiên cứu (ở cả nam và nữ) giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm cho thấy: Tỷ lệ xếp loại đạt ở nam học sinh nhóm thực nghiệm là 91.9% cao hơn nhóm đối chứng là 55.9%. Tỷ lệ xếp loại đạt ở nữ học sinh nhóm thực nghiệm là 93.9% cao hơn nhóm đối chứng là 52.8%.

Có sự khác biệt rõ rệt về kết quả xếp loại tổng hợp giữa 2 nhóm với học sinh nam  $\chi^2 = 10.312$  với  $P = 0.0013 < 0.01$  và học sinh nữ  $\chi^2 = 12.629$  với  $P = 0.0004 < 0.001$ . Điều đó, một lần nữa lại khẳng định rõ hiệu quả của các trò chơi vận động ứng dụng trong giảng dạy môn học thể dục cho học sinh trường THCS Hoàng Diệu mà đề tài đã lựa chọn.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Bảng 5. Kết quả so sánh tự đối chiếu các test đánh giá thể lực nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm ở thời điểm trước và sau thực nghiệm**

TT	Test	Giới tính	Nhóm đối chứng ( $n_{\text{nam}} = 37, n_{\text{nữ}} = 33$ )				t	P	Nhóm thực nghiệm ( $n_{\text{nam}} = 34, n_{\text{nữ}} = 36$ )				t	P
			Trước TN		Sau TN				Trước TN		Sau TN			
1	Nằm ngửa gập bụng (s)	Nam	8.2	1.4	8.4	1.3	0.720	>0.05	8.3	1.6	14.7	1.6	21.157	<0.01
		Nữ	7.3	1.8	7.6	1.4	0.998	>0.05	7.4	1.7	10.9	1.4	11.835	<0.01
2	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam	132.3	7.6	141.7	6.6	<b>14.767</b>	<0.01	131.2	7.6	170.9	8.1	59.224	<0.01
		Nữ	131.9	8.3	139.2	6.3	<b>11.371</b>	<0.01	132.4	8.3	156.8	7.2	36.904	<0.01
3	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	Nam	13.78	1.27	13.13	1.42	<b>2.342</b>	<0.05	13.65	1.33	12.01	1.34	5.935	<0.05
		Nữ	14.31	1.52	14.05	1.37	0.911	>0.05	14.33	1.37	12.49	1.32	6.683	<0.01
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam	816.7	30.1	820.3	30.6	<b>2.732</b>	<0.05	814.6	33.1	954.1	33.4	96.156	<0.01
		Nữ	689.4	31.7	706.8	31.9	<b>12.999</b>	<0.01	691.4	30.6	831.5	31.6	95.843	<0.01

### 3. Kết luận

Đề tài đã lựa chọn được 16 trò chơi vận động và sắp xếp phù hợp trong chương trình giảng dạy môn thể dục cho học sinh

lớp 6 trường THCS Hoàng Diệu. Bước đầu ứng dụng trò chơi vận động trong một năm học đã nâng cao được thể lực cho học sinh lớp 6 trường THCS Hoàng Diệu.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  2. Nguyễn Toán, Lê Anh Thơ (2006), 72 trò chơi vận động dân gian (tập 1), Nxb TĐTT, Hà Nội.
  3. Nguyễn Toán, Lê Anh Thơ (2006), 64 trò chơi vận động dân gian (tập 2), Nxb TĐTT, Hà Nội.
  4. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), Lý luận và phương pháp TĐTT, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- Nguồn bài báo: Trích từ kết quả nghiên cứu đề tài “Lựa chọn và ứng dụng trò chơi vận động trong giờ học thể dục nhằm phát triển thể lực cho học sinh trường trung học cơ sở Hoàng Diệu – huyện Chương Mỹ – thành phố Hà Nội” – Luận văn thạc sỹ giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

## LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI TẬP NHẪM KHẮC PHỤC NHỮNG SAI LẦM THƯỜNG MẮC TRONG HỌC KỸ THUẬT ĐẬP CẦU CỦA NAM HỌC SINH KHỐI 10 TRƯỜNG THPT LIÊN SƠN, VĨNH PHÚC

Nguyễn Xuân Lâm; Phạm Văn Đức\*

**Tóm tắt:** Trong cầu lông đập cầu là một kỹ thuật tấn công quan trọng và là một kỹ thuật có độ khó cao bởi vậy việc hoàn chỉnh kỹ thuật có ý nghĩa rất quan trọng. Trong quá trình giảng dạy kỹ thuật cầu lông việc tìm ra những sai lầm cơ bản, các nguyên nhân gây ra những sai lầm đó và tìm ra các bài tập để người học khắc phục và biết tự sửa chữa cho mình là việc làm hết sức cần thiết.

**Từ khóa:** Cầu lông; kỹ thuật đập cầu; sai lầm thường mắc.

**Summary:** *In badminton, smash is an important offensive technique which has high difficulty, so technical perfection is very important. In the process of teaching badminton techniques, finding out the fundamental mistakes, the causes of those mistakes and the exercises for learners to overcome and know how to fix for themselves is very necessary.*

**Keywords:** *Badminton; smash technique; Common mistakes.*

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

#### 1.1. Lý do chọn đề tài

Trong thi đấu Cầu lông, tấn công là một trong những hệ thống kỹ thuật cơ bản và quan trọng nhất. Nó có vai trò quyết định trong việc dứt điểm một đợt tấn công hoặc giành quyền phát cầu. Kỹ thuật đập cầu là một kỹ thuật tấn công quan trọng và hiệu quả trong Cầu lông, để thực hiện tốt kỹ thuật đập cầu người học vừa phải nắm vững kỹ thuật động tác ngay từ lúc đầu vừa mới tập, vừa phải tư duy sao cho những động tác trở nên thuần thục chính xác, nhịp nhàng.

Trong quá trình tập luyện đập cầu chỉ cần một trong các giai đoạn của kỹ thuật không đúng hoặc phối hợp không kịp thời sẽ làm ảnh hưởng rất lớn thậm chí còn dẫn đến những động tác thừa, sai, thiếu, nó sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả học tập kỹ thuật. Đối với học sinh phổ thông là những người mới bước vào học tập kỹ thuật này cho nên sẽ mắc rất nhiều sai lầm và dẫn đến hiệu quả học tập kỹ thuật không cao. Do vậy việc tìm ra những sai lầm thường mắc và đề ra các bài tập khắc phục những sai lầm này là hết sức cần thiết.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi nghiên cứu đề tài: “Lựa chọn một số bài tập nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu cho nam học sinh khối 10 trường THPT Liên Sơn, Vĩnh Phúc.”

#### 1.2. Mục đích nghiên cứu.

Đề tài xác định các sai lầm thường mắc và tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến các sai lầm đó, từ đó đề tài tiến hành lựa chọn một số bài tập nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu cho nam học sinh khối 10 trường THPT Liên Sơn, Vĩnh Phúc góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDTC trong nhà trường.

#### 1.3. Mục tiêu nghiên cứu.

Mục tiêu 1: Xác định những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu của nam học sinh khối 10 trường THPT Liên Sơn, Vĩnh Phúc.

Mục tiêu 2: Lựa chọn và đánh giá hiệu quả bài tập nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu cho nam học sinh khối 10 trường THPT Liên Sơn, Vĩnh Phúc.

\* Sinh viên Lớp D13 CLA- Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu,  
Phương pháp phỏng vấn,  
Phương pháp quan sát sự phạm,  
Phương pháp kiểm tra sự phạm,  
Phương pháp thực nghiệm sự phạm,  
Phương pháp toán học thống kê.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**3.1. Xác định những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu của nam học sinh khối 10 THPT Liễn Sơn, Vĩnh Phúc.**

#### **3.1.1. Xác định những sai lầm thường mắc**

Qua tham khảo và phân tích các tài liệu chuyên môn, dựa vào cấu trúc của kỹ thuật đập cầu, qua kiểm tra, giám sát, đánh giá các buổi tập của các nam học sinh, nhóm giao viên kiểm tra xác định những nguyên nhân các sai lầm kỹ thuật đập cầu của học

sinh số đông tập trung vào các sai lầm sau đây:

1. Tư thế động tác sai về vị trí đặt chân trụ và tư thế thân người.
2. Điểm tiếp xúc với cầu ở vị trí quá cao hoặc quá thấp.
3. Mặt vợt sai khi tiếp xúc với cầu.
4. Phối hợp bật nhảy sớm hoặc muộn, không duỗi hết cánh tay
5. Đập cầu ở vị trí quá xa người hoặc gần quá.
6. Cách sử dụng không đúng, khớp vai bị cứng, đập cầu bằng cả cánh tay.
7. Kết thúc động tác không gập thân về trước và không gập cổ tay.
8. Cầm vợt quá chặt, quá dài hoặc quá ngắn.

Để có cái nhìn tổng quát khách quan chúng tôi trình bày kết quả đánh giá trong bảng tổng hợp 3.1 dưới đây.

**Bảng 3.1. Kết quả quan sát sự phạm về sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu của nam HS khối 10 THPT Liễn Sơn, Vĩnh Phúc (n=130)**

TT	Tên sai lầm	Số người mắc	Tỷ lệ %
1	Tư thế động tác sai về vị trí đặt chân trụ và tư thế thân người	127	97.7
2	Điểm tiếp xúc với cầu ở vị trí quá cao hoặc quá thấp.	129	99.0
3	Mặt vợt sai khi tiếp xúc với cầu	19	14.6
4	Phối hợp bật nhảy sớm hoặc muộn, không duỗi hết cánh tay	130	100
5	Đập cầu ở vị trí quá xa người hoặc gần quá	11	85.0
6	Cách sử dụng lực không đúng, khớp vai bị cứng, đập cầu bằng cả cánh tay	124	95
7	Kết thúc động tác không gập thân về trước và không gập cổ tay	123	94
8	Cầm vợt quá chặt, quá dài hoặc quá ngắn	30	9

Qua kết quả quan sát sự phạm cho thấy, người tập thường mắc phải những sai lầm cơ bản chiếm tỷ lệ từ 70% trở lên đó là các sai lầm 1, 2, 4, 6, 7. Còn lại những sai lầm 3, 5 và 8 có tỷ lệ người mắc ít hơn. Sau khi có được kết quả bằng phương pháp quan sát sự phạm, đề tài tiến hành lựa chọn các

sai lầm thường mắc nhất. Để có được kết quả chính xác hơn đề tài tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi các giảng viên giảng dạy cầu lông, để tìm ra những sai lầm mà người tập thường mắc phải khi học kỹ thuật đập cầu. Kết quả được trình bày tại bảng 3.2.

**Bảng 3.2. Kết quả phỏng vấn xác định sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu của nam HS khối 10 THPT Liễn Sơn, Vĩnh Phúc (n= 21)**

TT	Tên sai lầm	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
1	Tư thế động tác sai về vị trí đặt chân trụ và tư thế thân người	19	90,44	2	9,56
2	Điểm tiếp xúc với cầu ở vị trí quá cao hoặc quá thấp	18	85,68	3	14,32
3	Mặt vợt sai khi tiếp xúc với cầu	9	42,88	12	58,12
4	Phối hợp bật nhảy sớm hoặc muộn, không duỗi hết cánh tay	21	100	0	0
5	Đập cầu ở vị trí quá xa người hoặc gần quá	11	52,40	10	47,60
6	Cách sử dụng lực không đúng, khớp vai bị cứng, đập cầu bằng cả cánh tay	16	76,26	5	23,84
7	Kết thúc động tác không gập thân về trước và không gập cổ tay	20	95,24	1	4,76
8	Cầm vợt quá chặt, quá dài hoặc ngắn	7	33,36	14	66,64

Qua kết quả phỏng vấn ở bảng 3.2, các giảng viên các chuyên gia đã tập trung đồng ý vào một số sai lầm thường mắc là các sai lầm 1, 2, 4, 6, 7 đó là các sai lầm được lựa chọn nhiều nhất và có tỷ lệ từ 75% trở lên. Còn các sai lầm còn lại đều ở mức độ đồng ý thấp không đáng kể.

Như vậy, qua sử dụng phương pháp sư phạm và qua kết quả phỏng vấn các chuyên gia. Chúng tôi thấy rằng các ý kiến của các chuyên gia đều trùng lặp với kết quả mà chúng tôi thu được sau quan sát giờ học của đối tượng nghiên cứu. Từ các kết quả trên, chúng tôi đã xác định những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu của đối tượng nghiên cứu, đó là các sai lầm sau:

- + Tư thế động tác sai về vị trí đặt chân trụ và tư thế thân người.
- + Điểm tiếp xúc với cầu ở vị trí quá cao hoặc quá thấp.
- + Phối hợp bật nhảy sớm hoặc muộn, không duỗi hết cánh tay
- + Cách sử dụng lực không đúng, khớp vai bị cứng, đập cầu bằng cả cánh tay
- + Kết thúc động tác không gập thân về trước và không gập cổ tay

**3.1.2. Xác định nguyên nhân của những sai lầm thường mắc :**

Sau khi xác định được những sai lầm thường mắc chủ yếu, để đưa ra những bài tập để khắc phục được những sai lầm đó thì trước hết chúng ta phải hiểu rõ nguyên nhân dẫn đến các sai lầm đó để có biện pháp khắc phục và bài tập sửa chữa thích hợp trong học kỹ thuật đập cầu.

Để hiểu rõ nguyên nhân của các sai lầm thường mắc đã xác định được ở trên và tìm ra các biện pháp khắc phục những sai lầm đó một cách khoa học. Đề tài đã tham khảo các tài liệu chuyên môn, qua phân tích những tài liệu tham khảo, qua quan sát sư phạm trên đối tượng nghiên cứu và qua trao đổi mạn đàm và tham khảo ý kiến của các chuyên gia, chúng tôi đã đưa ra các nguyên nhân chủ yếu và những biện pháp khắc phục những sai lầm thường mắc của nam học sinh khối 10 trường THPT Liễn Sơn, Vĩnh Phúc trong học kỹ thuật đập cầu, đó là:

- \* Các bài tập sửa chữa sai lầm 1: Tư thế động tác sai về vị trí đặt chân trụ và tư thế thân người
  - Do chưa nắm vững nội dung yêu cầu động tác kỹ thuật.
  - Quan sát điểm cầu rơi chưa hợp lý.

- Vị trí đặt chân trụ chưa hợp lý

- Thân người ngã về sau.

\* Các bài tập sửa chữa sai lầm 2: Điểm tiếp xúc với cầu ở vị trí quá cao hoặc quá thấp

- Do điểm xúc cầu và vợt chưa đúng.

- Chưa duỗi hết khớp vai.

- Chưa quan sát điểm cầu rơi đưa vợt ra sớm hoặc muộn quá.

- Sai sót khi thực hiện động tác trước đó.

\* Các bài tập sửa chữa sai lầm 3: Phối hợp bật nhảy sớm hoặc muộn, không duỗi hết cánh tay

- Do chưa quan sát điểm cầu rơi nên bật nhảy sớm quá hoặc muộn quá nên ảnh hưởng đến điểm tiếp xúc cầu.

- Khi tiếp xúc cầu thân người lao quá về trước.

- Do cơ đùi còn yếu, bật nhảy bằng hai chân.

- Thực hiện kỹ thuật ngắt quãng do chưa đảm bảo tính nhịp điệu động tác.

\* Các bài tập sửa chữa sai lầm 4: Cách sử dụng lực không đúng, khớp vai bị cứng, đập cầu bằng cả cánh tay.

- Do sự phối hợp động tác kỹ thuật chưa hợp lý

- Căng thẳng cơ bắp quá mức

- Do động tác cứng.

\* Các bài tập sửa chữa sai lầm 5: Kết thúc động tác không gập thân về trước và không gập cổ tay

- Do chưa nắm vững được yêu cầu nội dung kỹ thuật ở giai đoạn kết thúc.

- Khi kết thúc động tác không chuyển trọng tâm sang trái.

- Không gập thân ở giai đoạn cuối cùng.

- Không gập được cổ tay khi tiếp xúc cầu.

Từ việc xác định được các sai lầm thường mắc khi học kỹ thuật đập cầu và nguyên nhân dẫn đến các sai lầm đó, đây là cơ sở tiền đề cho việc lựa chọn bài tập để khắc phục những sai lầm đó để nâng

cao hiệu quả của kỹ thuật đập cầu cho đối tượng nghiên cứu.

**3.2. Lựa chọn và đánh giá hiệu quả bài tập nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu cho nam học sinh khối 10 trường THPT Liễu Sơn, Vĩnh Phúc.**

**3.2.1. Lựa chọn bài tập nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu cho nam HS khối 10 trường THPT Liễu Sơn, Vĩnh Phúc**

*\* Nguyên tắc lựa chọn bài tập.*

Qua tham khảo các tài liệu chuyên môn, đề tài xây dựng nguyên tắc lựa chọn bài tập như sau:

- Thứ nhất là phải dựa vào mục đích yêu cầu môn học.

- Thứ hai là phải dựa vào đặc điểm kỹ thuật đập cầu.

- Thứ ba là phải dựa vào nguyên tắc dạy học vận động là từ dễ đến khó từ đơn giản đến phức tạp cố gắng rút ngắn thời gian lan tỏa để nhanh chóng hình thành kỹ năng vận động.

- Thứ tư là khi lựa chọn bài tập phải phù hợp với khả năng, trình độ, thể lực của học sinh mặt khác phải phù hợp với điều kiện tập luyện như sân bãi dụng cụ ...

- Thứ năm là khi lựa chọn bài tập cần vận dụng đa dạng các phương pháp, phương tiện giảng dạy cơ bản, tiên tiến ...

*\* Lựa chọn các bài tập.*

Qua nghiên cứu các tài liệu chuyên môn và thông qua trao đổi mạn đàm với các chuyên gia nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy. Đề tài đã lựa chọn được 19 bài tập khắc phục sai lầm thường mắc trong giảng dạy kỹ thuật đập cầu, tuy nhiên để cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Đề tài tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi để lựa chọn ra các bài tập phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Kết quả được trình bày ở bảng 3.3.



## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Bảng 3.3. Kết quả phỏng vấn lựa chọn bài tập khắc phục sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu cho nam HS khối 10 THPT Liên Sơn (n= 21)**

TT	Nội dung bài tập	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
<b>I</b>	<b>Sai lầm 1: Tư thế động tác sai về vị trí đặt chân trụ và tư thế thân người.</b>				
1	Thực hiện không có cầu nhiều lần	21	100	0	0
2	Thực hiện cầu treo tại chỗ di chuyển chân dậm để vị trí cầu	20	95.23	1	4.77
3	Bật liên tục bằng một chân về hướng cầu bay	21	100	0	0
4	Bật bực 45 cm	11	52.39	10	47.61
<b>II</b>	<b>Sai lầm 2: Điểm tiếp xúc với cầu ở vị trí quá cao hoặc quá thấp.</b>				
1	Đập cầu vào một điểm cố định trên không nhiều lần	21	100	0	0
2	Đập cầu có người phục vụ nhiều lần	21	100	0	0
3	Lăng tạ 1.5 kg	12	57.14	9	42.86
<b>III</b>	<b>Sai lầm 3: Phối hợp bật nhảy sớm hoặc muộn, không duỗi hết cánh tay</b>				
1	Tại chỗ bật nhảy đập cầu liên tục không có cầu	21	100	0	0
2	Đập cầu vào điểm cố định trên không	19	90.47	2	9.53
3	Tại chỗ thực hiện động tác đập cầu nhiều lần	20	95.23	1	4.77
4	Nhảy dây tốc độ	10	47.61	11	52.39
<b>IV</b>	<b>Sai lầm 4: Cách sử dụng lực không đúng, khớp vai bị cứng, đập cầu bằng cả cánh tay</b>	10	47.61	11	52.39
1	Thực hiện với vợt hỗ trợ	19	90.47	2	9.53
2	Nằm sấp chống đẩy	11	52.39	10	47.61
3	Di chuyển đập cầu có cầu liên tục	20	95.23	1	4.77
4	Đập cầu có người phục vụ	11	52.39	10	47.61
<b>V</b>	<b>Sai lầm 5: Kết thúc động tác không gập thân về trước và không gập cổ tay</b>	12	57.14	9	42.86
1	Bật đôi chân đập cầu liên tục không cầu	19	90.47	2	9.53
2	Cầm vợt hỗ trợ thực hiện kỹ thuật đập cầu có cầu	20	95.23	1	4.77
3	Đứng hai chân rộng bằng vai thực hiện gập vợt trước sau liên tục	20	95.23	1	4.77
4	Thực hiện động tác đập cầu tại chỗ (không cầu)	9	42.86	12	57.14

Qua kết quả bảng 3.3 cho thấy: Các chuyên gia đều tập trung vào một số các bài tập đặc trưng của chuyên môn để sửa chữa những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu cho đối tượng nghiên cứu. Từ kết quả phỏng vấn chúng tôi chỉ lựa chọn những bài tập đã được sự đồng ý cao với tỷ lệ từ 80% trở lên. Như vậy qua phỏng vấn chúng tôi đã lựa chọn được 13 bài tập nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong

học kỹ thuật đập cầu cho nam học sinh khối 10 trường THPT Liên Sơn, Vĩnh Phúc, bao gồm các bài tập sau:

\* Sai lầm 1: Tư thế động tác sai về vị trí đặt chân trụ và tư thế thân người

- Thực hiện không có cầu nhiều lần
- Thực hiện cầu treo tại chỗ di chuyển chân dậm để vị trí cầu
- Bật liên tục bằng một chân về hướng cầu bay

\* Sai lầm 2: Điểm tiếp xúc với cầu ở vị trí quá cao hoặc quá thấp.

- Đập cầu vào một điểm cố định trên không nhiều lần

- Đập cầu có người phục vụ nhiều lần

\* Sai lầm 3: Phối hợp bật nhảy sớm hoặc muộn, không duỗi hết cánh tay

- Tại chỗ bật nhảy đập cầu liên tục không có cầu

- Đập cầu vào điểm cố định trên không

- Tại chỗ thực hiện động tác đập cầu nhiều lần

\* Sai lầm 4: Cách sử dụng lực không đúng, khớp vai bị cứng, đập cầu bằng cả cánh tay

- Thực hiện với vợt hỗ trợ

- Di chuyển đập cầu có cầu liên tục

\* Sai lầm 5: Kết thúc động tác không gập thân về trước và không gập cổ tay

- Bật đôi chân đập cầu liên tục không cầu

- Cầm vợt hỗ trợ thực hiện kỹ thuật đập cầu có cầu

- Đứng hai chân rộng bằng vai thực hiện gập vợt trước sau liên tục

**3.2.2. Đánh giá hiệu quả bài tập nhằm khắc phục những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu cho nam học sinh khối 10 trường THPT Liễn Sơn, Vĩnh Phúc**

Đề tài tiến hành thực nghiệm đánh giá hiệu quả các bài tập đã lựa chọn trên đối tượng nghiên cứu.

### 3.2.2.1. Tổ chức thực nghiệm

Đề tài tiến hành thực nghiệm so sánh song song giữa 2 nhóm được chia ngẫu nhiên để đánh giá hiệu quả của chúng.

- *Đối tượng thực nghiệm*: Đối tượng thực nghiệm là 72 nam học sinh khối 10 trường THPT Liễn Sơn, được chia làm 2 nhóm: nhóm thực nghiệm ( $n = 36$ ) và nhóm đối chứng ( $n = 36$ )

- *Tổ chức thực nghiệm*: trước khi phân nhóm chúng tôi tiến hành kiểm tra ban đầu trên 2 nhóm để đảm bảo giữa 2 nhóm có sự tương đồng.

+ Nhóm thực nghiệm tập luyện theo các bài tập mà đề tài đã lựa chọn, nhóm đối

chúng tập luyện theo chương trình mà các giáo viên tổ môn thể dục Trường THPT Liễn Sơn đã xây dựng.

+ Đề tài tiến hành tổ chức thực nghiệm vào các giờ chính khóa theo kế hoạch học tập môn thể thao tự chọn.

- *Phương pháp đánh giá*: Để đánh giá một cách chính xác về mức độ hoàn thiện của kỹ thuật đập cầu và đánh giá hiệu quả của các bài tập. Đề tài sử dụng phương pháp đánh giá mà tổ môn thể dục Trường THPT Liễn Sơn đã xây dựng và đang sử dụng. Đánh giá trên hai phương diện: mức độ hoàn thiện kỹ thuật và hiệu quả của kỹ thuật.

\* Đánh giá kỹ thuật thực hiện động tác đập cầu.

- *Các yêu cầu của kỹ thuật bao gồm 5 yếu tố*:

+ Đứng đúng tư thế chuẩn bị cơ bản.

+ Phối hợp nhịp nhàng toàn thân giữa chân - thân người và tay.

+ Kết thúc động tác gập thân về trước, gập cổ tay.

+ Đường cầu đi xuống mạnh và chuẩn xác.

+ Góc độ giữa mặt vợt và cầu

- *Phân loại kỹ thuật*:

+ Loại tốt: thực hiện tốt 5 yếu tố nêu trên.

+ Loại khá: thực hiện thiếu 1 trong 5 yếu tố nêu trên.

+ Loại trung bình: thực hiện thiếu 2 trong 5 yếu tố nêu trên.

+ Loại yếu: thực hiện thiếu từ 3- 5 trong 5 yếu tố nêu trên.

\* Đánh giá hiệu quả kỹ thuật đập cầu.

- Test 1: Đập cầu dọc biên 10 quả vào ô chuẩn (số quả vào ô).

- Test 2: Đập cầu chéo sân 10 quả vào ô chuẩn (số quả vào ô).

### 3.2.2.2. Kết quả thực nghiệm

Trước khi tiến hành thực nghiệm, chúng tôi tiến hành kiểm tra ban đầu để so sánh giữa 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm. Nội dung kiểm tra là đánh giá kỹ thuật động tác và hiệu quả của kỹ thuật. Kết quả được trình bày tại bảng 3.4.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Bảng 3.4. Kết quả kiểm tra kỹ thuật trước thực nghiệm của 2 nhóm**

Loại \ Nhóm	Nhóm thực nghiệm (n=36)		Nhóm đối chứng (n=36)	
	Kỹ thuật	Tỷ lệ %	Kỹ thuật	Tỷ lệ %
Tốt	0	0	0	0
Khá	6	16,7	9	25
Trung bình	12	33,3	9	25
Yếu	18	50	18	50
$\chi^2_{\text{tính}} = 1.0286 < \chi^2_{0.05} = 7.815$ với $P > 0.05$				

Qua bảng 3.4. cho thấy: Trước thực nghiệm số học sinh ở 2 nhóm kỹ thuật thực hiện đập cầu không tốt so với mức yêu cầu về khả năng hoàn thiện của kỹ thuật đề ra. Trình độ kỹ thuật của 2 nhóm trước thực nghiệm là tương đương nhau với  $\chi^2_{\text{tính}} = 4.371 < \chi^2_{0.05} = 7.815$  với  $P > 0.05$ .

Đề tài tiến hành đánh giá hiệu quả của kỹ thuật đập cầu theo các test đánh giá chuyên môn cầu lông. Kết quả chúng tôi trình bày tại bảng 3.5.

**Bảng 3.5. Kết quả kiểm tra hiệu quả kỹ thuật đập cầu của 2 nhóm trước TN**

TT	Test	Nhóm TN (n=36)	Nhóm ĐC (n=36)	t	p
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$		
1	Đập cầu dọc biên 10 quả vào ô chuẩn (số quả vào ô)	4,2± 1,62	4,24± 1,58	0.1061	>0,05
2	Đập cầu chéo sân 10 quả vào ô chuẩn (số quả vào ô)	4,52 ± 1,71	4,56 ± 1,64	0.1013	>0,05

Qua bảng 3.5 cho thấy: Kết quả kiểm tra ban đầu trước thực nghiệm với 2 test đều  $t_{\text{tính}} < t_{\text{bảng}} = 2,042$  ở ngưỡng xác suất  $P > 0,05$ . Như vậy, sự khác biệt giữa 2 nhóm là không có ý nghĩa, hay nói cách khác là trình độ về kỹ thuật đập cầu của hai nhóm là tương đương nhau.

Sau thực nghiệm, đề tài đã tiến hành kiểm tra trên cả 2 nhóm nhằm xác định được trình độ của 2 nhóm sau thời gian thực nghiệm và để xem xét đánh giá hiệu quả tác động của các bài tập đã lựa chọn trong quá trình thực nghiệm. Kết quả được trình bày ở bảng 3.6 và 3.7.

**Bảng 3.6. Kết quả kiểm tra kỹ thuật đập cầu của 2 nhóm sau thực nghiệm**

Loại \ Nhóm	Nhóm thực nghiệm (n=36)		Nhóm đối chứng (n=36)	
	Kỹ thuật	Tỷ lệ %	Kỹ thuật	Tỷ lệ %
Tốt	12	33,3	6	16,7
Khá	18	50	15	41,6
Trung bình	6	16,7	9	25
Yếu	0	0	6	16,7
$\chi^2_{\text{tính}} = 8.8727 > \chi^2_{0.05} = 7.815$ với $P < 0.05$				

Từ kết quả thu được ở bảng 3.6 cho thấy, mức độ hoàn thiện kỹ thuật trong quá trình thực nghiệm của 2 nhóm đều có hiệu quả, tuy nhiên so với nhóm đối chứng thì nhóm thực nghiệm thu được kết quả tốt hơn và có sự khác biệt rõ rệt giữa 2 nhóm với  $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$  ở ngưỡng xác suất  $P < 0.05$ , có thể nói rằng tác động của các bài tập mà chúng tôi đã lựa chọn để khắc phục những sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu cho nhóm thực nghiệm tốt hơn so với nhóm đối chứng.

**Bảng 3.7. Kết quả kiểm tra hiệu quả kỹ thuật đập cầu của 2 nhóm sau TN**

TT	Test	Nhóm TN (n=36)	Nhóm ĐC (n=36)	t	p
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$		
1	Đập cầu dọc biên 10 quả vào ô chuẩn (số quả vào ô)	7.52 ± 1.86	6.42 ± 1.79	2.5567	<0.05
2	Đập cầu chéo sân 10 quả vào ô chuẩn (số quả vào ô)	7.28 ± 1.78	6.64 ± 1.84	1.5000	<0.05

Từ kết quả bảng 3.7 cho thấy, thành tích ở cả 2 test đánh giá hiệu quả của kỹ thuật đập cầu của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đều tăng. Tuy nhiên, thành tích của nhóm thực nghiệm tốt hơn so với nhóm đối chứng với  $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$  ở ngưỡng xác suất  $P < 0,05$ . Hay nói cách khác, sự khác biệt của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng đã có ý nghĩa về mặt toán học thống kê.

Từ các vấn đề nêu trên có thể khẳng định rằng, các bài tập mà đề tài đã lựa chọn nhằm khắc phục sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật đập cầu và ứng dụng thực nghiệm có tác dụng về khắc phục các sai lầm trong học kỹ thuật và nâng cao hiệu quả kỹ thuật đập cầu cho đối tượng nghiên cứu.

**4. Kết luận và kiến nghị**

**4.1. Kết luận:**

Từ những kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã tìm được 5 sai lầm thường mắc của nam học sinh khối 10 Trường THPT Liễu Sơn, Vĩnh Phúc khi học kỹ thuật đập cầu và đã lựa chọn được 13 bài tập nhằm khắc phục những sai lầm đó.

2. Sau thực nghiệm, việc sử dụng 13 bài tập mà đề tài đã lựa chọn cho đối tượng nghiên cứu đã có tác dụng rõ rệt về mặt hoàn thiện kỹ thuật và hiệu quả của kỹ thuật, đảm bảo độ tin cậy ở ngưỡng xác suất thống kê cần thiết  $P < 0.05$ .

**4.2. Kiến nghị:**

Với những bài tập mà đề tài đã lựa chọn ứng dụng vào thực nghiệm đã khẳng định hiệu quả và độ tin cậy, có thể làm tài liệu tham khảo để vận dụng trong công tác giảng dạy cầu lông cho học sinh THPT để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả kỹ thuật đập cầu. Chúng tôi mong rằng các giáo viên tiếp tục ứng dụng bài tập để khẳng định đầy đủ hơn hiệu quả của chúng.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Harre D (1996), Học thuyết huấn luyện, (Trương Anh Tuấn, Nguyễn Thế Hiển dịch), NXB TĐTT Hà Nội
2. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (1995), Sinh lý học TĐTT, NXBTĐTT HN
3. Hướng Xuân Nguyên - Mai Thị Ngoãn (2010), Giáo trình cầu lông trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội, NXB TĐTT, Hà Nội
4. Bành Mỹ Lệ, Hậu Chính Khánh (1997), Cầu lông, Dịch: Lê Đức Chương, NXB TĐTT, Hà Nội 2000.
5. Lê Thanh Sang (1994), Tập đánh cầu, NXB TĐTT Hà Nội
6. Nguyễn Xuân Sinh(1999), Phương pháp NCKH TĐTT. NXB TĐTT Hà Nội
7. Lê Thanh (2010), Giáo trình toán học thống kê, NXB TĐTT Hà Nội
8. Nguyễn Hạc Thuý (1994), Những yếu tố kỹ thuật cầu lông nâng cao, NXB TĐTT Hà Nội
9. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000) - “Lý luận và phương pháp TĐTT” - NXB TĐTT Hà Nội
10. Nguyễn Đức Văn (1987), Phương pháp thống kê trong TĐTT, NXB TĐTT, Hà Nội.

## LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI TẬP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KỸ THUẬT GIẬT BÓNG THUẬN TAY CHO NAM HỌC SINH ĐỘI TUYỂN BÓNG BÀN TRƯỜNG THPT ĐỘI CÁN - VĨNH PHÚC

Nguyễn Vũ Hồng Nhung\*

**Tóm tắt:** Xu hướng của bóng bàn hiện đại là phát triển toàn diện, trong đó kỹ thuật giạt bóng thuận tay là kỹ thuật quan trọng mà các VĐV phải thuần thục và sử dụng với hiệu quả cao mới có hy vọng giành thắng lợi. Do đó việc lựa chọn và ứng dụng các bài tập nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn trường THPT Đội Cán - Vĩnh Phúc sẽ góp phần nâng cao thành tích thi đấu cho các em.

**Từ khóa:** Lựa chọn bài tập; Kỹ thuật giạt bóng thuận tay; nam học sinh đội tuyển bóng bàn.

**Abstract:** The trend of modern table tennis is comprehensive development, in which hand-shake ball technique is a technique that almost forces athletes to master and use with high efficiency. Therefore, the selection and application of exercises to improve the technical efficiency of the handball ball for the men of the table tennis team of Doi Can High School - Vinh Phuc will contribute to improving the performance of the students.

**Keywords:** Selecting exercises; Technique of shaking hands with hands; table tennis boys.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bóng bàn hiện đại yêu cầu VĐV phải toàn diện về kỹ chiến thuật, thể lực, tâm lý mới có thể dành thắng lợi. Trong đó, kỹ thuật giạt bóng thuận tay là quan trọng bậc nhất trong bóng bàn hiện đại. Kỹ thuật này không chỉ tạo cơ hội ăn điểm mà còn là kỹ thuật dứt điểm chính của người VĐV, có thể đối phó với tất cả các loại bóng xoáy khác nhau và độ biến hóa vô cùng đa dạng. Một VĐV có kỹ thuật giạt bóng thuận tay tốt tạo tiền đề cho VĐV có sự tự tin trong tập luyện và thi đấu từ đó kết hợp với các kỹ thuật khác mới có thể dành được thành tích cao trong thi đấu.

Trong quá trình điều tra đánh giá thực trạng, trình độ kỹ thuật của nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cán - Vĩnh Phúc, cho thấy nhiều học sinh có trình độ kỹ giạt bóng thuận tay rất yếu và có nhiều hạn chế. Nguyên nhân dẫn đến điều này là sử dụng các bài tập nhằm nâng cao hiệu quả trong kỹ thuật giạt bóng thuận tay trong tập luyện cũng như trong thi đấu hiệu quả rất thấp. Từ những lý do trên chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: “

### *Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cán - Vĩnh Phúc.*

Kết quả nghiên cứu của đề tài này là tư liệu chuyên môn giúp cho các giáo viên, huấn luyện viên bóng bàn trong công tác giảng dạy và huấn luyện.

**\* Mục đích và mục tiêu nghiên cứu.**

- **Mục đích:** Nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật giạt bóng cho các em học sinh tham gia thi đấu bóng bàn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDTC trong nhà trường

- **Mục tiêu:** Lựa chọn các bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cán – Vĩnh Phúc

### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, quan sát sư phạm, kiểm tra sư phạm, thực nghiệm sư phạm, toán học thống kê.

\* Sinh viên lớp D13 BB- Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Thực trạng công tác huấn luyện nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc.**

Việc sử dụng các bài tập đơn giản, phân phối lượng vận động không hợp lý là một trong những nguyên nhân dẫn tới kết quả huấn luyện chưa cao của đội tuyển. Qua quan sát quá trình tập luyện của nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc, chúng tôi nhận thấy, thời gian tập luyện của

các em là 3 buổi một tuần mỗi buổi 90 phút. Thời gian như vậy là phù hợp với các em. Tuy nhiên, mật độ tập luyện và các bài tập chưa hợp lý, đặc biệt là các bài tập nâng cao kỹ thuật giạt bóng thuận tay là rất đơn điệu dù thời gian dành cho kỹ thuật này trong các buổi tập không ít (30 - 35 phút mỗi buổi) dẫn đến hiệu quả các kỹ thuật khác trong thi đấu của VĐV chưa cao. Thực trạng sử dụng các bài tập của đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn trình bày ở bảng 3.1:

**Bảng 3.1: Thực trạng sử dụng các bài tập của các giáo viên Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc.**

TT	Nội dung bài tập	Khối lượng	Nghỉ giữa	Số giáo án sử dụng
1	Chạy 30m xuất phát cao	3 - 4 lần		1 / tuần
2	Chạy 100m xuất phát thấp	2-3 lần		1/ tuần
3	Di chuyển ngang 21 quả x 4m	2 lần	2 phút	2/ tuần
4	Chạy 800 m	1lần		1/tuần
5	Lăng tạ ante	60 lần x 2	5 phút	1/tuần
6	Nhảy dây 2 phút	2 lần x2 phút	2 phút	2/ tuần
7	Co tay xà đơn	3 tổ x 15 lần	2 phút	3/ tuần
8	Vụt bóng từ 1 điểm sang 1 điểm	10 phút		3 / tuần
9	Vụt bóng từ 1 điểm sang 2 điểm	7 phút		2/ tuần
10	Vụt bóng từ 1 điểm sang 3 điểm	10 phút		2/ tuần
11	Vụt bóng trái tay theo đường thẳng	10 phút		2/ tuần
12	Vụt bóng trái tay kết hợp với vụt bóng phải tay	10 phút		3/ tuần
13	Gò bóng thuận trái tay	10 phút		3/tuần
14	Giạt bóng thuận tay từ một điểm sang một điểm	25 phút		2/tuần
15	Giạt bóng trái tay	10 phút		2/tuần
16	Giao bóng tấn công	15 phút		
17	Bài tập thi đấu kỹ thuật nội bộ	2 - 3 trận		2/ tuần
18	Bài tập thi đấu giao hữu	3 - 4 trận		1/ tháng

Qua bảng trên chúng tôi thấy, nhìn chung các giáo viên đã sử dụng các hình thức cơ bản để nâng cao trình độ đánh bóng cho các em tuy nhiên bài tập cho kỹ thuật giạt bóng thuận tay cho học sinh nam đội tuyển bóng bàn vẫn còn ít, các bài tập với bóng còn đơn giản thiếu sự sáng tạo, thiếu sự kết hợp với các động tác khác cho VĐV ở mọi tình huống khác nhau.

Kết quả điều tra cũng cho thấy hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay của nam học sinh đội tuyển Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc rất yếu. Để tìm ra chính xác nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự yếu kém này, đề tài sử dụng phương pháp phỏng vấn các chuyên gia về nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém trong kỹ thuật giạt bóng thuận tay:

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Bảng 3.2: Kết quả phỏng vấn xác định nguyên nhân dẫn đến hiệu quả trong kỹ thuật giạt bóng thuận tay còn yếu của nam HS đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc (n=20)**

TT	Nguyên nhân	Kết quả phỏng vấn	
		N	%
1	Thiếu thời gian tập luyện	8	40
2	Dụng cụ sân bãi còn thiếu	12	60
3	Các bài tập chưa phù hợp	20	100
4	Thiếu giáo viên hướng dẫn	18	90

Kết quả phỏng vấn cho thấy nguyên nhân chủ yếu là: Thiếu giáo viên hướng dẫn tập luyện. Các bài tập chưa phù hợp.

Từ kết quả trên đây, có thể khẳng định: Để có thể nâng cao hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc cần tăng cường sự hướng dẫn của giáo viên cũng như thay đổi nội dung các bài nâng cao hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay cho phù hợp.

Để khắc phục điều này thì cần phải lựa chọn ra các bài tập mới phù hợp hơn, có hiệu quả hơn đồng thời lượng vận động của các bài tập nâng cao hiệu quả trong kỹ thuật giạt bóng thuận tay cần phải khoa học và hợp lý hơn.

**Bảng 3.3: Kết quả phỏng vấn lựa chọn test đánh giá hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay cho nam HS đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc (n=20)**

TT	Nội dung các test	Kết quả phỏng vấn			
		Đồng ý	%	Không đồng ý	%
1	Giạt bóng thuận tay từ 1 điểm sang 1 điểm 60 quả vào ô quy định (lần/60 quả)	20	100	0	0
2	Giạt bóng thuận tay từ 2 điểm sang 1 điểm 60 quả vào ô quy định (lần/60 quả)	19	95	1	5
3	Giạt bóng thuận tay với bóng xoáy xuống vào ô quy định (lần/60 quả)	19	95	1	5
4	Đẩy trái né giạt phải vào ô quy định (cặp/30 quả)	11	55	9	45
5	Giạt bóng thuận tay từ 3 điểm sang 1 điểm 60 quả vào ô quy định (lần/60 quả)	8	40	12	60
6	Giao bóng, giạt bóng tấn công (lần/10 quả)	10	50	10	50

Từ kết quả phỏng vấn thu được ở bảng trên cho thấy, để lựa chọn ra 3 test có số người được phỏng vấn đánh lựa chọn cao (90% trở lên).

Test 1: Giạt bóng thuận tay từ 1 điểm sang 1 điểm 60 quả vào ô quy định (lần/60 quả)

Test 2: Giạt bóng thuận tay từ 2 điểm sang 1 điểm 60 quả vào ô quy định (lần/60 quả).

### 3.2. Lựa chọn test đánh giá hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc.

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu chuyên môn đề tài chọn ra được 5 test để đánh giá hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay cho nam học sinh Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc. Để đảm bảo tính khách quan và phù hợp với đối tượng nghiên cứu đề tài tiến hành phỏng vấn, bằng phiếu hỏi 20 chuyên gia về bóng bàn về sự phù hợp của các test kết quả được trình bày ở bảng 3.3:

Test 3: Giạt bóng thuận tay với bóng xoáy xuống vào ô quy định (lần/60 quả)

Để kiểm tra tính thông báo của các test đề tài tiến hành đánh giá mối tương quan của các test với thứ hạng thi đấu nội bộ của nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc:

**Bảng 3.4. Hệ số tương quan giữa các test được lựa chọn với thành tích thi đấu của nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc.**

TT	Hệ số Test	R	P
1	Giật bóng thuận tay từ 1 điểm sang 1 điểm 60 quả vào ô quy định (lần/60 quả)	0,81	5%
2	Giật bóng thuận tay từ 2 điểm sang 1 điểm 60 quả vào ô quy định (lần/60 quả)	0,83	5%
3	Giật bóng thuận tay với bóng xoáy xuống vào ô quy định (lần/60 quả)	0.84	5%

Qua bảng 3.4 cho thấy hệ số tương quan giữa các test chúng tôi lựa chọn với thành tích thi đấu có mối tương quan  $r > 0,8$ ;  $P < 5\%$ . Như vậy 3 test này có tính thông báo cao để đánh giá hiệu quả kỹ thuật giật bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc.

Để xác định độ tin cậy của test, chúng tôi dùng phương pháp test lặp lại, kết quả được trình bày ở bảng 3.5.

**Bảng 3.5. So sánh kết quả kiểm tra độ tin cậy của các Test đã lựa chọn**

TT	Các test kiểm tra	Kết quả kiểm tra		r
		Lần 1 $\bar{x} \pm \delta$	Lần 2 $\bar{x} \pm \delta$	
1	Giật bóng thuận tay từ 1 điểm sang 1 vào ô quy định (lần/60 quả)	$36.9 \pm 2.12$	$37.2 \pm 2.01$	0.82
2	Giật bóng thuận tay từ 2 điểm sang 1 điểm vào ô quy định (lần/60 quả)	$34.2 \pm 2.45$	$33.9 \pm 2.37$	0.81
3	Giật bóng thuận tay với bóng xoáy xuống vào ô quy định (lần/60 quả)	$31.8 \pm 2.13$	$32.2 \pm 2.22$	0.81

Kết quả ở bảng 3.5 cho thấy, không có sự khác biệt giữa 2 lần kiểm tra, nói cách khác các Test đã lựa chọn đảm bảo độ tin cậy

### 3.3. Lựa chọn các bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật giật bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc.

Thông qua quan sát thực tế và tổng hợp tài liệu, chúng tôi đã xác định 11 bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật giật bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc và tiến hành phỏng vấn 20 chuyên gia, HLV và giáo viên giàu kinh nghiệm để xác định mức độ các bài tập đó trong tập luyện kết quả phỏng vấn trình bày ở bảng 3.6:

**Bảng 3.6. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật giật bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc (n=20)**

TT	Kết quả phỏng vấn Các bài tập	Mức độ ưu tiên 3 (3 điểm)	Mức độ ưu tiên 2 (2 điểm)	Mức độ ưu tiên 1 (1 điểm)	Tổng điểm
A	<b>BÀI TẬP THỂ LỰC</b>				
1	Chạy 30m xuất phát cao x 3 tổ	15	5	0	55
2	Chạy 60m x 3 tổ	10	6	4	46
3	Bật bục tại chỗ 30s x 3 tổ	10	7	3	47



## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3	Bật cóc 15m x 5 tổ	11	5	4	47
4	Co tay xà đơn	12	5	3	49
3	<b>Nằm sấp chống đẩy tối đa x 3 tổ</b>	<b>14</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>52</b>
4	<b>Cầm vợt sắt thực hiện kỹ thuật giạt bóng thuận tay 1 phút x 3 tổ</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>38</b>
5	Gập bụng tối đa x 3 tổ	9	6	5	44
<b>B</b>	<b>BÀI TẬP CHUYÊN MÔN</b>				
6	<b>Giạt bóng thuận tay 1 điểm sang 1 điểm vào ô quy định</b>	<b>16</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>55</b>
7	<b>Di chuyển giạt bóng thuận tay 2 điểm sang 1 điểm</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>
8	<b>Di chuyển vọt bóng trái tay né giạt lao góc trống</b>	<b>17</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>56</b>
9	<b>Di chuyển vọt bóng trái tay kết hợp giạt bóng thuận tay đường thẳng</b>	<b>16</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>55</b>
10	<b>Đẩy trái né giạt phải</b>	<b>19</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>59</b>
11	<b>Giạt bóng xoáy xuống 100 quả x 2 tổ</b>				

Căn cứ vào phỏng vấn đề tài lựa chọn 8 bài tập được đánh giá ở mức ưu tiên số 1 với số điểm từ 52 điểm trở lên.

### 3.3. Xây dựng tiến trình thực nghiệm

Để đảm bảo công việc thực hiện các bài tập đã lựa chọn đạt kết quả tốt, chúng tôi thông qua các kế hoạch huấn luyện với HLV sở tại vẫn tập luyện theo chương trình chung của các huấn luyện viên sở tại nhưng nội dung có liên quan đến giạt bóng thuận tay và các bài tập bổ trợ có liên quan nhóm thực nghiệm sẽ tập theo bài tập đã lựa chọn, nhóm đối chứng tập theo chương trình cũ, thời gian và xây dựng tiến trình huấn luyện theo chu kỳ tuần như ở bảng 3.7:

**Bảng 3.7: Tiến trình huấn luyện theo chu kỳ tuần.**

STT	Nội dung bài tập	Lịch tập luyện		
		2	4	6
1	Nằm sấp chống đẩy tối đa x 3 tổ		+	+
2	Cầm vợt sắt thực hiện kỹ thuật giạt bóng thuận tay 1 phút x 3 tổ	+		+
3	Giạt bóng thuận tay 1 điểm sang 1 điểm vào ô quy định		+	=
4	Di chuyển giạt bóng thuận tay 2 điểm sang 1 điểm	+	+	
5	Di chuyển vọt bóng trái tay né giạt lao góc trống	+	+	
6	Di chuyển vọt bóng trái tay kết hợp giạt bóng thuận tay đường thẳng	+		+
7	Đẩy trái né giạt phải	+		+
8	Giạt bóng xoáy xuống 100 quả x 2 tổ		+	

Sau khi xây dựng được tiến trình huấn luyện theo chu kỳ tuần, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm sư phạm, áp dụng các bài tập trên cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc tập luyện.

### 3.5. Tổ chức thực nghiệm.

*Hình thức, đối tượng thực nghiệm:*  
Đánh giá hiệu quả các bài tập đã lựa chọn, chúng tôi tiến hành tổ chức thực nghiệm

theo hình thức tự đối chiếu trên đối tượng là 20 học sinh nam đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc. Chia làm 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng

*Nội dung thực nghiệm:* Nhóm thực nghiệm tập theo chương trình huấn luyện của nhà Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc, tuy nhiên nội dung huấn luyện nâng cao hiệu quả kỹ thuật giạt bóng thuận tay

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

được thực hiện theo các bài tập và lượng vận động mà đề tài đã xác định.

*Thời gian thực nghiệm:* Đề tài tiến hành thực nghiệm trong 6 tuần, mỗi tuần tập luyện 3 buổi, mỗi buổi tập luyện 90 phút.

### 3.6. Đánh giá kết quả thực nghiệm.

Sau khi lựa chọn xây dựng một số bài tập, đồng thời lập bảng kế hoạch thực nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật giặt bóng thuận tay cho nam học sinh đội

tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc. Sau 6 tuần tập luyện, tổng số buổi tập luyện là 18 buổi, quá trình sư phạm được tiến hành dưới sự hướng dẫn và kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng bài tập của người dạy, chúng tôi tiến hành đánh giá kết quả sau thời gian thực nghiệm. Kết quả kiểm tra trước và sau thực nghiệm được trình bày ở bảng 3.8 và 3.9:

TT	Các test kiểm tra	Nhóm TN (n=10)	Nhóm ĐC (n=10)	T <sub>(tính)</sub>	T <sub>(bảng)</sub>	P
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$			
1	Giặt bóng thuận tay từ 1 điểm sang 1 điểm vào ô quy định (lần/60 quả)	36.9 ± 2.31	36.5 ± 2.52	0.814	2.228	5%
2	Giặt bóng thuận tay từ 2 điểm sang 1 điểm vào ô quy định (lần/60 quả)	34.4 ± 2.16	33.9 ± 2.32	0.920	2.228	5%
3	Giặt bóng thuận tay với bóng xoáy xuống vào ô quy định (lần/60 quả)	31.7 ± 3.19	32.1 ± 3.28	0.827	2.228	5%

**Bảng 3.9: So sánh kết quả kiểm tra sau thực nghiệm của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm (n=20)**

TT	Các test kiểm tra	Nhóm TN (n=10)	Nhóm ĐC (n=10)	T <sub>(tính)</sub>	T <sub>(bảng)</sub>	P
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$			
1	Giặt bóng thuận tay từ 1 điểm sang 1 điểm vào ô quy định (lần/60 quả)	47.9 ± 3.39	39.9 ± 3.31	3,178	2,228	5%
2	Giặt bóng thuận tay từ 2 điểm sang 1 điểm vào ô quy định (lần/60 quả)	45.5 ± 3.36	38.7 ± 3.29	2,436	2,228	5%
3	Giặt bóng thuận tay với bóng xoáy xuống vào ô quy định (lần/60 quả)	42.3 ± 3.72	36.5 ± 3.43	2.872	2,228	5%

Qua bảng 3.8, cho phép chúng tôi rút ra kết luận hiệu quả kỹ thuật giặt bóng thuận tay của nhóm đối chứng và thực nghiệm với  $T_{(tính)} < T_{(bảng)}$  ở ngưỡng xác suất  $P \leq 5\%$  là không có ý nghĩa. Hay nói cách khác hiệu quả kỹ thuật giặt bóng thuận tay giữa 2 nhóm là tương đương nhau.

Qua bảng 3.9 có thể thấy, thành tích kiểm tra các test của cả 2 nhóm đều có sự tiến bộ rõ rệt so với trước thực nghiệm tuy

nhiên sự thay đổi ở nhóm thực nghiệm thành tích kiểm tra là cao hơn hẳn so với nhóm đối chứng, sự khác biệt giữa 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng là có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất  $P < 5\%$ . Hay nói cách khác, hiệu quả kỹ thuật giặt bóng thuận tay của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng. Kết luận này cho ta thấy, việc sử dụng các bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật giặt bóng thuận tay là hợp lý, và có ý

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

nghĩa ở ngưỡng xác suất  $P < 5\%$ . Các bài tập mà đề tài lựa chọn đã phát huy hiệu quả cao hơn hẳn so với các bài tập cũ thường được sử dụng trong huấn luyện để nâng cao hiệu quả kỹ thuật giặt bóng thuận

tay cho nam học sinh đội tuyển Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc.

Để làm rõ hơn kết quả nghiên cứu đề tài còn sử dụng chỉ số **Brody** nhằm xây dựng mức độ tăng trưởng của test. Kết quả cụ thể được trình bày ở bảng 3.10.

**Bảng 3.10: Nhịp độ tăng trưởng của nhóm thực nghiệm và đối chứng sau**

Test	Kết quả	
	W	
	Nhóm TN (n=10)	Nhóm ĐC (n=10)
Giặt bóng thuận tay từ 1 điểm sang 1 điểm 60 quả vào ô quy định (lần/60 quả)	16,2	13,2
Giặt bóng thuận tay từ 2 điểm sang 1 điểm 60 quả vào ô quy định (lần/60 quả)	20,8	12,8
Giặt bóng thuận tay với bóng xoáy xuống vào ô quy định (lần/60 quả)	21,4	11,5

Qua bảng 3.10 cho thấy nhịp độ tăng trưởng của nhóm thực nghiệm ở cả 2 test đều cao hơn so với nhóm đối chứng.

### KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### 1. Kết luận:

Đề tài đã lựa chọn được 3 test để đánh giá hiệu quả kỹ thuật giặt bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc và 10 bài tập phù hợp với học sinh phổ thông ở độ tuổi 16-18 nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật giặt bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc

Qua thực nghiệm, các bài tập trên đây đều có tác dụng tốt và đem lại hiệu quả

trong việc nâng cao hiệu quả kỹ thuật giặt bóng thuận tay cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn Trường THPT Đội Cấn – Vĩnh Phúc. Các bài tập mà chúng tôi đã lựa chọn có hiệu quả trong thực tiễn với quá trình huấn luyện thiếu niên lứa tuổi THPT với mức độ tin cậy ở ngưỡng xác suất  $P < 5\%$ .

#### 2. Kiến Nghị:

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài chúng tôi có kiến nghị sau: Đề tài có ý nghĩa thực tiễn, đề nghị giáo viên thể chất Trường THPT Đội Cấn - Vĩnh Phúc cho phép ứng dụng trong quá trình giảng dạy và huấn luyện cho nam học sinh đội tuyển bóng bàn của Trường.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Ngọc Dũng, Tô Thế Thọ, Tô Tiến Thành Giáo trình bóng bàn trường ĐHSPTDĐT Hà Nội.
2. Lê Văn Lãm, Phạm Xuân Thành(2012), Đo lường TDĐT, NXB TDĐT Hà Nội.
3. Lê Văn Inh (1980), Bóng bàn Việt Nam và Thế giới, NXB TDĐT Hà Nội.
4. Lê Thanh (2012), Phương pháp toán học thống kê trong TDĐT, NXB TDĐT Hà Nội.
5. Nguyễn Danh Thái, Bóng bàn hiện đại, NXB TDĐT Hà Nội.
6. Vũ Thành Sơn, Nguyễn Danh Thái (1999), Bóng bàn, NXB TDĐT Hà Nội.
7. Phạm Thị Thiệu, Trần Thị Hạnh Dung, Quách Văn Tinh (2010), Sinh lý học TDĐT, NXB TDĐT Hà Nội.
8. Nhiều tác giả luận văn tốt nghiệp, Trường ĐHSPTDĐT Hà Nội và trường ĐHTDĐT Bắc Ninh.

## XÂY DỰNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIN HỌC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

ThS. Hoàng Thu Thủy\*

**Tóm tắt:** Trên cơ sở đánh giá thực trạng học tập môn Tin học của sinh viên trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, kết quả đó vẫn chưa cao, chưa bền vững. Đề tài đã tiến hành xây dựng một số biện pháp nhằm nâng cao kết quả học tập môn tin học cho sinh viên trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, nhằm đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu giáo dục và sự phát triển của thực tiễn.

**Từ khóa:** Biện pháp; Kết quả học tập; Tin học; Sinh viên

**Abstract:** Based on the assessment of the learning situation at Informatics of students of Hanoi University of Physical Education and Sports, the research has achieved certain results. However, those results are still not high and unsustainable. The thesis has conducted a number of measures to improve the learning results at Informatics for students of Hanoi University of Physical Education and Sports, in order to gain requirement, educational goals and development.

**Key words:** Measures; Academic results; Informatics; Students

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Qua đánh giá thực trạng kết quả học tập môn tin học của sinh viên Trường ĐHSPTĐTT Hà Nội các khóa trước đây cho thấy tỷ lệ sinh viên xếp loại trung bình khá, trung bình và yếu còn tương đối cao (khóa đại học 44: 37.5%; khóa đại học 45: 40.45%; khóa đại học 46: 27.11%). Điều này chứng tỏ sinh viên có kết quả học tập môn tin học chưa thực sự tốt.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất trong nhà trường là một trong các yếu tố đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Với số lượng 2 phòng máy gồm 64 máy tính, chia ca cho sinh viên theo học đáp ứng việc học tập và thực hành tin học trên lớp. Tuy nhiên, do thường có các máy hỏng, lỗi, chưa kết nối mạng Internet, chất lượng máy chiếu chưa tốt nên còn ảnh hưởng tới việc học, dẫn tới ảnh hưởng kết quả học tập của sinh viên. Khả năng ứng dụng kỹ năng tin học của sinh viên trong soạn bài giảng, tìm kiếm thông tin và xử lý kết quả thực nghiệm khoa học theo chương trình đào tạo còn yếu do nội dung

giảng dạy chưa gắn nhiều với thực tiễn yêu cầu năng lực của giáo viên thể chất hiện nay. Vì vậy, đề tài đã tiến hành xây dựng một số biện pháp nhằm nâng cao kết quả học tập môn tin học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

### II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp được sử dụng bao gồm: Phương pháp đọc, phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp kiểm tra sư phạm; Phương pháp thực nghiệm sư phạm; Phương pháp toán học thống kê.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**3.1. Xây dựng biện pháp nhằm nâng cao kết quả học tập môn Tin học cho sinh viên Trường ĐHSPTĐTT Hà Nội.**

**3.1.1. Xây dựng biện pháp nâng cao kết quả học tập môn Tin học cho đối tượng nghiên cứu**

Từ phân tích thực trạng giảng dạy môn tin học cho sinh viên Trường Đại học Sư

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

phạm TĐTT Hà Nội, kết quả điều tra thực trạng về kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất. Cùng với kết quả học tập môn tin của sinh viên các khóa, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập môn Tin của sinh viên qua tham khảo các tài liệu, đề tài đã tiến hành lựa chọn và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao kết quả học tập

cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 30 cán bộ quản lý, các giảng viên hiện đang trực tiếp giảng dạy môn Tin học hoặc các môn học khác tại Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng

**Bảng 3.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn biện pháp nâng cao kết quả học tập môn Tin học cho đối tượng nghiên cứu (n = 30).**

TT	Các biện pháp	Rất cần		Cần		Không cần	
		n	%	n	%	n	%
1	<i>Biện pháp 1:</i> Đảm bảo cơ sở vật chất (số lượng máy tính, chất lượng máy tính) phục vụ công tác giảng dạy.	29	96.67	1	3.33	0	0.00
2	<i>Biện pháp 2:</i> Nâng cao nhận thức cho giáo viên, đặc biệt là sinh viên về vai trò của Tin học đối với giáo viên.	23	76.67	4	13.33	3	10.00
3	<i>Biện pháp 3:</i> Hướng dẫn sinh viên tự học Tin học.	15	50.00	10	33.33	5	16.67
4	<i>Biện pháp 4:</i> Cập nhật nội dung tin học mới phù hợp với yêu cầu đào tạo giáo viên giáo dục thể chất hiện nay.	24	80.00	6	20.00	0	0.00

Từ kết quả bảng 3.1 cho thấy, cả 4 biện pháp chuyên môn mà đề tài đưa ra đều được đa số các ý kiến trả lời lựa chọn với trên 70.00% ý kiến xếp ở mức độ rất cần thiết. Đồng thời, qua toạ đàm trực tiếp với các đối tượng phỏng vấn cho thấy, các ý kiến trả lời đều cho rằng, để nâng cao kết quả học tập môn Tin học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, cần thiết phải áp dụng đồng thời tất cả các giải pháp trên vào thực tiễn quá trình dạy học Tin học tại Trường. Xuất phát từ những kết quả nghiên cứu trên, đề tài đã lựa chọn 4 biện pháp cụ thể trong việc giảng dạy nhằm nâng cao kết quả học tập môn Tin học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

3.1.2. Xây dựng nội dung các biện pháp nâng cao kết quả học tập môn Tin học cho đối tượng nghiên cứu.

- Biện pháp 1: Đảm bảo cơ sở vật chất (số lượng máy tính, chất lượng máy tính) phục vụ công tác giảng dạy.

+ Mục đích: Để nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, chất lượng các máy vi tính đảm bảo những điều kiện cần thiết phục vụ cho giảng dạy.

+ Nội dung: Tiến hành cải tạo, sửa chữa nâng cấp các máy vi tính, cài đủ các phần mềm cần thiết cơ bản có trong chương trình học... để có thể tận dụng tối đa điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ giảng dạy.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Kiến nghị nhà trường trong quy hoạch xây dựng nhà trường, có kế hoạch xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các phòng máy học Tin học. Sửa chữa, mua mới trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho giảng dạy thực hành tin như: Máy in, bảng cảm ứng thông minh đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng. Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa bảo hành các máy vi tính, máy chiếu, điều hòa và hệ thống điện chiếu sáng cho các phòng máy tầng 2, tầng 3 khu nhà thể chất.

- Biện pháp 2: Nâng cao nhận thức cho giáo viên, đặc biệt là sinh viên về vai trò của Tin học đối với giáo viên.

+ Mục đích: Giúp giáo viên, các nhà quản lý, đặc biệt là sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò của Tin học đối với người giáo viên.

+ Nội dung: Nâng cao nhận thức cho sinh viên về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của Tin học đối với người giáo viên để khi ra trường, sinh viên có được một hành trang cần thiết cho hoạt động dạy học của mình.

Ngoài ra, giúp sinh viên nhận thức về việc cần thiết ứng dụng tốt môn Tin học để các em có ý thức tự giác, tích cực hơn nữa trong quá trình rèn luyện nhằm hoàn thiện nhân cách người giáo viên tương lai. Mặt khác, cần giúp sinh viên mạnh dạn, tự tin để các em hiểu và vận dụng Tin học vào trong quá trình học tập của bản thân mình nhằm đạt kết quả cao.

+ Cách thức thực hiện: Thông qua các môn khoa học cơ bản, môn Tâm lý - Giáo dục học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nghiên cứu khoa học... Phối kết hợp cùng môn Tin học để sinh viên làm các bài tiểu luận nhỏ, các bài thu hoạch bằng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, Microsoft PowerPoint.

Thông qua các môn Thực hành như: Điền Kinh, bơi lội, bóng đá, bóng bàn,

bóng chuyền,... phối kết hợp cùng môn Tin học, môn Phương pháp giảng dạy và một số môn khác giúp các em bước đầu soạn giáo án trên máy vi tính.

Đồng thời bước đầu hình thành ở sinh viên lòng ham thích tìm hiểu, khám phá những lĩnh vực tin học phục vụ cho công tác giảng dạy của các em như: Phần mềm PowerPoint, Excel,...

Thông qua các hoạt động ngoại khoá, nghe báo cáo, dự giờ dạy của các giáo viên giỏi, sinh viên giỏi để qua hình thức thể hiện bài giảng sinh viên thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng của Tin học, từ đó nảy sinh nhu cầu, hứng thú và nguyện vọng muốn tìm hiểu, khám phá thêm về những nội dung phục vụ cho người giáo viên tương lai.

+ Điều kiện thực hiện

Đòi hỏi các giáo viên, các thành viên phải am hiểu kiến thức cơ bản về Tin học.

Cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các môn khoa học khác, các môn thực hành với môn tin học.

Bản thân sinh viên phải tích cực, tự giác, chủ động tìm tòi; học hỏi kinh nghiệm thông qua thực tiễn, thầy cô giáo, bạn bè nhằm chuẩn bị hành trang đầy đủ cho người giáo viên.

- Biện pháp 3: Hướng dẫn sinh viên tự học Tin học.

+ Mục đích: Tạo cho sinh viên năng lực chủ động, sáng tạo trong phương pháp học của mình. Giúp sinh viên ngoài giờ học thực hành Tin học trên lớp còn có khả năng tự học thêm ở nhà.

+ Nội dung: Giảng viên biên soạn hệ thống câu hỏi lý thuyết về các thao tác đã học, các kiến thức cũ, các kiến thức sắp tới... để giao, hướng dẫn cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu. Giảng viên chấm điểm, đánh giá, sửa chữa, rút kinh nghiệm đối với kết quả thực hiện của sinh viên.

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Giảng viên biên soạn các bài tập thực hành tương ứng với các phần đã học hoặc sắp học giao cho sinh viên tự thực hành. Sinh viên nộp các bài đó qua mail hoặc trực tiếp qua USB để giáo viên đánh giá, sửa chữa, chấm điểm giúp sinh viên học môn Tin học tốt hơn.

Giảng viên hẹn lịch tiếp xúc, làm việc trực tiếp với sinh viên tại bộ môn, phòng thực hành tin hoặc giảng đường. (Nếu cần giảng đường, phòng thực hành Tin học phải đăng ký với phòng Đào tạo để được bố trí). Tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, giảng viên có thể áp dụng các hình thức, cách thức phù hợp sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

+ Cách thức thực hiện: Giảng viên lựa chọn bộ các câu hỏi lý thuyết tin học, bộ các bài thực hành tin học phù hợp cho đối tượng sinh viên Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội. Bộ các bài tập đó được tổ trưởng tổ toán tin phê duyệt. Khi cần sử dụng phòng máy thực hành tin học ngoài giờ học chính khóa giảng viên xin ý kiến phê duyệt của phòng đào tạo và các phòng ban liên quan.

+ Điều kiện thực hiện: Sinh viên cần có máy vi tính hoặc thuê máy vi tính để thực hiện tự học thực hành. Cần có sự phối kết hợp của các phòng ban khi cho sinh viên tự học. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học phải tích cực kiểm tra, đánh giá, sửa chữa các bài tự học của các sinh viên.

- Biện pháp 4: Cập nhật nội dung tin học mới phù hợp với yêu cầu đào tạo giảng viên giáo dục thể chất hiện nay.

+ Mục đích: Tin học là môn học thường xuyên có sự thay đổi và cập nhật để đáp ứng được các yêu cầu của nhà trường và xã hội. Muốn làm được như vậy, thì giảng viên cũng cần thường xuyên xem xét, cập nhật các nội dung Tin học mới ở các trường phổ thông, yêu cầu của phòng giáo

dục, sở giáo dục về các mức độ tin học đối với một giảng viên.

+ Nội dung: Trong các buổi học Tin học ở lớp, giảng viên lồng ghép dạy trên các phần mềm Microsoft Word, Microsoft PowerPoint,... hướng dẫn sinh viên cách khai thác thông tin, tìm kiếm tài liệu trên Internet. Thường xuyên thay đổi, lược bỏ những nội dung không còn phù hợp, cập nhật những nội dung mới phục vụ cho việc học tập của sinh viên và yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai.

Muốn làm được như vậy thì giảng viên cũng cần thường xuyên xem xét, cập nhật các nội dung Tin học mới ở các trường phổ thông, yêu cầu của phòng giáo dục, sở giáo dục về các mức độ tin học đối với một giảng viên.

+ Cách thức thực hiện: Các giảng viên trong tổ thống nhất họp bàn về các nội dung tin học đã không còn phù hợp, cùng đưa ra những nội dung Tin học mới phù hợp với yêu cầu đào tạo hiện nay. Xin ý kiến của tổ trưởng, trưởng bộ môn về các nội dung cần thay đổi, lược bỏ, những nội dung mới được cập nhật đưa vào giảng dạy.

+ Điều kiện thực hiện: Cần có sự quan tâm giúp đỡ nhiệt tình từ phía nhà trường.

Mối quan hệ giữa các biện pháp: Các biện pháp đưa ra đều mang một ý nghĩa riêng, không tồn tại một cách độc lập mà có mối quan hệ biện chứng với nhau. Giảng viên nên sử dụng phối hợp các biện pháp trong quá trình dạy học môn Tin học cho sinh viên. Tùy từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể nên vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo và phát huy hiệu quả rèn luyện của từng biện pháp, không nên lạm dụng vào một biện pháp nào vì mỗi biện pháp đều có ưu điểm, nhược điểm riêng.

3.2. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả các biện pháp nhằm nâng cao kết quả học tập

## THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

môn Tin học cho sinh viên Trường ĐHSP TDDT Hà Nội.

Trên cơ sở nghiên cứu những quan điểm về lý luận và thực tiễn, đề tài đã lựa chọn được 4 biện pháp nhằm nâng cao kết quả học tập môn Tin học cho sinh viên Trường ĐHSP TDDT Hà Nội. Thời gian thực nghiệm dựa vào quỹ thời gian cũng như lịch học tập của sinh viên, đề tài đã lựa chọn thời gian thực nghiệm là 12 tuần. Đối tượng thực nghiệm là sinh viên ĐHSP TDDT Hà Nội được chia làm 2 nhóm:

Nhóm thực nghiệm gồm 375 sinh viên K47, nhóm đối chứng gồm: 343 sinh viên K46, 421 sinh viên K45, 384 sinh viên K44.

Điều kiện đảm bảo học tập cho 2 nhóm là tương đương nhau, chỉ khác là ngoài các biện pháp chung nhóm thực nghiệm được áp dụng 4 biện pháp ở trên đã nêu ra. Sau khi áp dụng các biện pháp đã nêu trên, chúng tôi thu được kết quả học tập môn Tin học của sinh viên K47 như sau:

**BẢNG 3.2. Kết quả học tập môn tin học của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội**

Khóa	Kết quả đánh giá xếp loại									
	Giỏi		Khá		Trung bình khá		Trung bình		Không đạt	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Đại học 44 (n = 384)	134	34.90	106	27.60	100	26.04	28	7.3	16	4.16
Đại học 45 (n = 421)	140	33.25	110	26.13	113	26.85	39	9.26	19	4.34
Đại học 46 (n = 343)	148	43.15	102	29.74	40	11.66	16	4.66	37	10.79
Đại học 47 (n = 375)	286	76.27	58	15.47	9	2.4	6	1.6	16	4.26

So sánh kết quả học tập môn tin học của khóa đại học 47 với các khóa trước, thu được kết quả như sau:

Khóa đại học 47 với khóa đại học 44:

$\chi^2_{\text{tính}} = 159.2945 > \chi^2_{\text{bảng}} = 9.488$  (p = 5%)

→ Sinh viên khóa đại học 47 học tốt hơn khóa đại học 44.

Khóa đại học 47 với khóa đại học 45:

$\chi^2_{\text{tính}} = 186.225 > \chi^2_{\text{bảng}} = 9.488$  (p = 5%)

→ Sinh viên khóa đại học 47 học tốt hơn khóa đại học 45.

Khóa đại học 47 với khóa đại học 46:

$\chi^2_{\text{tính}} = 92.16 > \chi^2_{\text{bảng}} = 9.488$  (p=5%)

→ Sinh viên khóa đại học 47 học tốt hơn khóa đại học 46.

Từ kết quả trên, kết luận rằng sinh viên khóa đại học 47 có kết quả học tập tốt hơn các khóa trước. Điều này, đã khẳng định được hiệu quả của hệ thống các biện pháp chuyên môn ứng dụng trong giảng dạy nhằm nâng cao kết quả học tập môn học Tin học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội mà quá trình nghiên cứu của đề tài đã xây dựng.



### IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### 1. Kết luận

- Quá trình nghiên cứu của đề tài đã xây dựng được 04 biện pháp chuyên môn với những chỉ dẫn cụ thể để nâng cao kết quả môn học Tin học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội. Các biện pháp bao gồm:

**Biện pháp 1:** Đảm bảo cơ sở vật chất (số lượng máy tính, chất lượng máy tính) phục vụ công tác giảng dạy.

**Biện pháp 2:** Nâng cao nhận thức cho giáo viên, đặc biệt là sinh viên về vai trò của Tin học đối với giáo viên.

**Biện pháp 3:** Hướng dẫn sinh viên tự học.

**Biện pháp 4:** Cập nhật nội dung tin học mới phù hợp với yêu cầu đào tạo giáo viên giáo dục thể chất hiện nay.

- Qua kiểm nghiệm 04 giải pháp trong thực tiễn tổ chức, quản lý, giảng dạy các giờ học môn Tin học trong chương trình

đào tạo cho đối tượng nghiên cứu đã khẳng định được tính hiệu quả trong việc nâng cao kết quả học tập môn học.

#### 2. Kiến nghị

Từ những kết luận nêu trên của đề tài, cho phép đi đến một số kiến nghị sau:

- Hệ thống các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn học Tin học mà kết quả nghiên cứu của đề tài đã xây dựng cần thiết phải được triển khai áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả môn học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

- Để nâng cao kết quả học tập môn học Tin học, cần thiết phải được triển khai áp dụng một cách đồng bộ hệ thống các biện pháp mà kết quả nghiên cứu của đề tài đã xây dựng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Như An (1996), Phương pháp dạy học giáo dục - Tập 1, 2, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Bá Hoành (2003), Dạy học lấy người học làm trung tâm nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, Tạp chí Thông tin khoa học giáo dục, số 96/2003, tr 1.
3. Hoàng Thu Huyền (2012), Mối tương quan giữa tự đánh giá bản thân và kết quả học tập của sinh viên tại Hà Nội, Đại học Giáo dục.
4. Võ Thị Tâm (2010), Các yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên chính quy trường đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Lê Khắc Thành (2010), Phương pháp dạy học môn Tin học, Nxb Đại học Sư Phạm Hà Nội.

## BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN GIÁO DỤC THỂ CHẤT ĐỂ ĐÁP ỨNG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

CN. Nguyễn Minh Tư\*

TS. Hương Xuân Nguyễn \*\*

**TÓM TẮT:** Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông là một yêu cầu bức thiết của các trường đào tạo sư phạm hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Trong công tác đào tạo cần chú trọng các giải pháp nâng cao chất lượng giảng viên và chất lượng tuyển sinh, phát triển chương trình đào tạo theo hướng phát triển năng lực người học, tổ chức tốt hoạt động dạy học. Đối với giáo viên giáo dục thể chất công tác bồi dưỡng cần quan tâm là cải tiến nội dung và hình thức bồi dưỡng nhằm phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu của giáo viên.

**Từ khóa:** Bồi dưỡng giáo viên, giáo dục thể chất, đổi mới giáo dục phổ thông

**Abstract:** Improving the quality of training and nurturing of high school teachers is an urgent requirement of current pedagogical training schools in order to meet the requirements of renovating general education. In training, we need to pay attention to solutions to improve the quality of lecturers and enrollment quality, to develop training programs towards developing learners' capacity and organizing teaching activities well. For physical education teachers, the training that needs to be focused on is to improve the content and form of training in order to promote teachers' self-study ability.

**Keywords:** Teacher training, physical education, renovation of general education

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mục tiêu chung của Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) mới xác định: Môn Giáo dục thể chất giúp học sinh hình thành, phát triển kỹ năng chăm sóc sức khỏe, kỹ năng vận động, thói quen tập luyện thể dục thể thao và rèn luyện những phẩm chất, năng lực để trở thành người công dân phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế, góp phần phát triển tâm vóc, thể lực người Việt Nam; đồng thời phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao.

Thời lượng học Giáo dục thể chất chiếm tỉ lệ từ 6% đến 7% tổng thời lượng học; tăng 35 tiết so với chương trình hiện hành. Bên cạnh đó, ở cấp THPT, học sinh còn được học Giáo dục quốc phòng và an ninh, một môn học có tác dụng hỗ trợ giáo dục thể chất.

Giai đoạn giáo dục cơ bản: Môn Giáo dục thể chất giúp học sinh biết cách chăm sóc sức khỏe và vệ sinh thân thể; hình thành thói quen tập luyện nâng cao sức khỏe; thông qua các trò chơi vận động và

tập luyện thể dục, thể thao hình thành các kỹ năng vận động cơ bản, phát triển các tố chất thể lực, làm cơ sở để phát triển toàn diện. Học sinh được lựa chọn nội dung hoạt động thể dục thể thao phù hợp với thể lực của mình và khả năng đáp ứng của nhà trường.

Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Môn Giáo dục thể chất được thực hiện thông qua hình thức câu lạc bộ thể dục thể thao. Học sinh được chọn nội dung hoạt động thể thao phù hợp với nguyện vọng của mình và khả năng đáp ứng của nhà trường để tiếp tục phát triển kỹ năng chăm sóc sức khỏe và vệ sinh thân thể, phát triển về nhận thức và năng khiếu thể thao, đồng thời giúp những học sinh có năng khiếu thể thao tự chọn định hướng nghề nghiệp phù hợp

Mạch nội dung môn học gồm: Kiến thức chung về Giáo dục thể chất (từ lớp 1 đến lớp 12); Vận động cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9); Thể thao tự chọn (từ lớp 1 đến lớp 12).

Chương trình môn Giáo dục thể chất có nhiều lựa chọn dành cho nhà trường và học sinh. Đầu năm học, giáo viên và nhà

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

trường căn cứ kết quả kiểm tra sức khỏe tại trường hoặc giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp cho học sinh, tổ chức cho học sinh học môn Giáo dục thể chất bảo đảm tất cả học sinh đều được học tập, rèn luyện với nội dung phù hợp, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực quy định trong chương trình.

Các môn thể thao tự chọn trong chương trình môn Giáo dục thể chất là hệ thống các môn thể thao được tổ chức trong Hội khỏe Phù đồng các cấp, trong hệ thống giải thi đấu quốc gia, quốc tế và các môn thể thao truyền thống của địa phương.

Ở lớp 1, lớp 2 và lớp 3, nội dung thể thao tự chọn chủ yếu là trò chơi vận động gắn với một số môn thể thao phù hợp với thể lực của học sinh và khả năng tổ chức của nhà trường.

Từ lớp 4 đến lớp 9, học sinh được hướng dẫn luyện tập và tham gia thi đấu các môn thể thao phù hợp.

Ở cấp trung học phổ thông, nội dung thể thao tự chọn gồm 3 nhóm: (a) Nhóm kỹ thuật cơ bản, dành cho lớp 10; (b) nhóm kỹ thuật nâng cao, dành cho lớp 11, (c) nhóm vận dụng, thi đấu, dành cho lớp 12.

Tùy theo khả năng tổ chức của nhà trường, học sinh có thể lựa chọn một môn thể thao cho cả ba năm học hoặc mỗi năm học lựa chọn một môn thể thao.

Những học sinh học một môn thể thao trong cả ba năm học thì được học đầy đủ ba nội dung (a), (b) và (c). Những học sinh chọn học hai môn thể thao thì được học các nội dung (a) và (b) ở một môn thể thao, môn thể thao còn lại chỉ học nội dung (a). Những học sinh chọn học ba môn thể thao thì chỉ học nội dung (a).

Giáo viên được quyền tham gia xây dựng và chủ động thực hiện kế hoạch giáo dục của môn học phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, nhà trường và lớp học mà mình phụ trách trên cơ sở bảo đảm mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt của chương trình đối với cấp học, lớp học.

Môn Giáo dục thể chất vận dụng phương pháp giáo dục tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, thực hiện chuyển quá trình giáo dục thành tự giáo dục; giáo viên là người thiết kế, tổ chức, cố vấn, trọng tài, hướng dẫn hoạt động tập luyện cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện để khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động tập luyện, tự mình trải nghiệm, tự phát hiện bản thân và phát triển thể chất.

Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng như: trực quan, sử dụng lời nói, tập luyện, sửa sai, trò chơi, thi đấu, trình diễn,...; sử dụng nguyên tắc đối xử cá biệt, phù hợp với sức khỏe học sinh; kết hợp dụng cụ, thiết bị phù hợp, sử dụng hiệu quả các thành tựu của công nghệ thông tin để tạo nên giờ học sinh động, hiệu quả.

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, cân đối giữa hoạt động tập thể lớp, hoạt động nhóm nhỏ và cá nhân, giữa dạy học bắt buộc và dạy học tự chọn, để đảm bảo vừa phát triển năng lực thể chất, vừa phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Tích hợp kiến thức một số môn học khác, một số bài hát, bản nhạc,... để tạo không khí vui tươi, hưng phấn trong tập luyện, làm cho học sinh yêu thích và đam mê tập luyện thể thao.

Do đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đóng vai trò quan trọng để đáp ứng các mục tiêu trên nói riêng và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông nói chung.

### II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Hiện nay, công tác đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất đã và đang được chú trọng. Tuy nhiên, hầu hết hầu hết các trường đào tạo giáo viên giáo dục thể chất đều tập trung vào việc cung cấp kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên đang còn hạn chế và chưa có chương trình đào tạo giáo viên giáo dục thể chất cho từng bậc học; chưa cụ thể chương trình và hình thức bồi dưỡng giáo viên để phù hợp với thực tiễn và phát huy hiệu quả. Do đó,

chúng tôi đề xuất một số nhóm giải pháp sau:

### **1. Phát triển chương trình đào tạo**

Dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể theo hướng kế thừa, phát huy những ưu điểm của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đồng thời tham khảo, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục phát triển. Chương trình mới được xây dựng theo hướng chuyển từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Bên cạnh đó, yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục đại học, đáp ứng các tiêu chuẩn xếp hạng, phân tầng đại học cũng là yêu cầu cấp thiết đối với các trường đại học nói chung và các trường đào tạo sư phạm nói riêng. Do đó, việc phát triển chương trình đào tạo giáo viên THPT ở các trường đại học đào tạo sư phạm theo định hướng phát triển năng lực người học là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam trong giai đoạn mới. Theo đó, chương trình đào tạo giáo viên GDTC cần hướng tới mục tiêu đào tạo đội ngũ giáo viên có đủ năng lực theo định hướng sau:

Thứ nhất, chương trình cần cân đối tỷ lệ khối kiến thức giáo dục đại cương với giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó, cần tăng cường khối kiến thức chung, tích hợp liên ngành để sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận dạy học tích hợp trong chương trình phổ thông.

Thứ hai, chương trình cần có sự phân phối cân đối giữa khối kiến thức cơ bản với khối kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ. Trong đó, thời lượng dành cho khối kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đề xuất chiếm khoảng 30% - 35% trong tổng khối lượng chương trình đào tạo, trong đó phần thực tập, thực tế chuyên môn chiếm khoảng 35% - 40% tổng khối lượng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Điều này, giúp sinh viên tốt nghiệp có được những kiến thức và kinh nghiệm thực tế về chuyên

môn, nghiệp vụ, có thể đảm nhận tốt công việc giảng dạy tại trường phổ thông.

Thứ ba, chương trình cần chú trọng tích hợp giảng dạy kiến thức với kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp; tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm, rèn luyện kỹ năng thực hành, thí nghiệm, gắn lý thuyết với thực tiễn; phát huy tính chủ động, sáng tạo để sinh viên có khả năng thiết kế các hoạt động trải nghiệm và hướng dẫn học sinh trong nghiên cứu khoa học ở trường phổ thông.

### **2. Nâng cao năng lực nghề nghiệp của giảng viên**

Nâng cao năng lực, phẩm chất giảng viên các trường đào tạo sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục vừa là mục tiêu, vừa là động lực và được coi là một trong những yếu tố quan trọng để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Do đó, cần tập trung vào công tác bồi dưỡng giảng viên: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; Năng lực giảng dạy; Năng lực phát triển chương trình; Năng lực nghiên cứu khoa học; Năng lực hoạt động xã hội; Năng lực cung ứng dịch vụ giáo dục, khoa học và chuyển giao công nghệ giáo dục cho các trường phổ thông; Năng lực hợp tác quốc tế về giáo dục đại học. Trong đó, chú trọng năng lực phát triển chương trình đào tạo giáo viên, chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học, gắn kiến thức lý thuyết với thực tiễn, năng lực dạy học tích hợp của sinh viên.

### **3. Cải thiện chất lượng tuyển sinh**

Chất lượng đầu vào của sinh viên ngành sư phạm GDTC đóng vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo cũng như chất lượng đầu ra của sinh viên ngành sư phạm GDTC. Thực tế tuyển sinh đại học, cao đẳng những năm qua cho thấy, chất lượng tuyển sinh đầu vào của ngành sư phạm đang đi xuống, số lượng thí sinh đăng ký vào các trường sư phạm cũng ngày càng giảm. Có những trường còn không tuyển

đủ chỉ tiêu. Vẫn biết, chất lượng giáo viên còn phụ thuộc quá trình đào tạo, bồi dưỡng tại trường nhưng để đào tạo một giáo viên có năng lực và phẩm chất tốt thì chất lượng đầu vào phải tốt. Với tình trạng chất lượng đầu vào thấp của ngành sư phạm như hiện nay, đòi hỏi các cơ quan, ban, ngành liên quan cần có những biện pháp thật sự quyết liệt, mạnh mẽ. Để sư phạm trở lại là một trong những ngành học hấp dẫn, từ đó tăng chất lượng đầu vào, ngành giáo dục cần đưa ra giải pháp quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm, sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục có đào tạo chuyên ngành sư phạm, tránh hiện tượng đào tạo ồ ạt; có những khảo sát, đánh giá chính xác nhu cầu sử dụng giáo viên trong tương lai để giao chỉ tiêu phù hợp, cụ thể cho các trường sư phạm, không để nơi thừa, nơi thiếu, nhằm hạn chế tỷ lệ giáo viên thất nghiệp; có những chính sách hấp dẫn, thu hút với giáo viên và sinh viên ngành sư phạm như: Nâng cao thu nhập và chế độ đãi ngộ, tạo đầu ra phù hợp với chuyên môn được đào tạo cho sinh viên sư phạm...

#### **4. Tăng cường hoạt động tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực**

Chương trình đào tạo định hướng phát triển năng lực không quy định những nội dung giảng dạy chi tiết mà quy định những kết quả đầu ra mong muốn của quá trình đào tạo, trên cơ sở đó đưa ra những hướng dẫn chung về việc lựa chọn nội dung, phương pháp, tổ chức và đánh giá kết quả dạy học nhằm đảm bảo thực hiện được mục tiêu dạy học tức là đạt được kết quả đầu ra mong muốn. Trong chương trình định hướng phát triển năng lực, mục tiêu học tập, tức là kết quả học tập mong muốn thường được mô tả thông qua hệ thống các năng lực (Competency). Kết quả học tập mong muốn được mô tả chi tiết và có thể quan sát, đánh giá được. Người học cần đạt được những kết quả yêu cầu đã quy định trong chương trình. Việc đưa ra các chuẩn đào tạo cũng là nhằm đảm bảo quản

lý chất lượng giáo dục theo định hướng kết quả đầu ra.

Hoạt động tổ chức dạy học đóng vai trò quan trọng để thực hiện tốt chương trình đào tạo nhằm phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của người học theo định hướng phát triển năng lực. Do đó, giảng viên cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Dạy phương pháp học tập bậc đại học cho sinh viên: lập kế hoạch học tập, phương pháp học trên lớp, phương pháp tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, ...

- Quản lý tốt học tập trên lớp và tự học của sinh viên bằng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực người học.

- Tổ chức tốt việc lấy ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo, hoạt động của giảng viên và nhà trường sau khi kết thúc môn học và sau khi tốt nghiệp.

#### **5. Đổi mới nội dung và hình thức bồi dưỡng**

Công tác bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên là yêu cầu khách quan, vừa có tính cấp bách, vừa có tính chiến lược lâu dài để đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Bồi dưỡng thường xuyên là hoạt động bồi dưỡng hàng năm giúp giáo viên học tập để cập nhật kiến thức về chính trị, kinh tế - xã hội, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, phát triển năng lực dạy học, năng lực giáo dục và những năng lực khác theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên, yêu cầu nhiệm vụ năm học, cấp học, yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương, yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên giáo dục thể chất là căn cứ của việc quản lý, chỉ đạo, tổ chức và biên soạn tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên giáo dục thể chất, nâng cao mức độ đáp ứng của giáo

viên trung học phổ thông với yêu cầu phát triển giáo dục trung học phổ thông và yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông. Trong những năm qua, chương trình bồi dưỡng đã giúp GV được cập nhật các phương pháp mới và vận dụng được một phần vào thực tế dạy học. Nội dung các khoá bồi dưỡng đã có sự thống nhất và bổ sung cho sự thiếu hụt trong chương trình đào tạo ở các trường sư phạm khi tập trung vào các phương pháp/kỹ thuật dạy học môn học.

Tuy nhiên đối với giáo viên giáo dục thể chất chưa được thực hiện thường xuyên và dường như chưa có chương trình cụ thể. Bên cạnh đó, hình thức bồi dưỡng hiện nay chủ yếu là giáo viên tự nghiên cứu, tự học, chưa có nhiều tương tác giữa giảng viên/chuyên gia với người học và chưa có phương pháp, công cụ đánh giá kết quả bồi dưỡng giáo viên. Việc bồi dưỡng còn phụ thuộc vào kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo, chưa xuất phát từ nhu cầu của giáo viên. Do đó, việc đổi mới nội dung và hình thức bồi dưỡng để việc bồi dưỡng phát triển và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên trở thành nhu cầu học tập thường xuyên một cách tự nguyện. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất các nội dung bồi dưỡng nhằm nâng cao một số năng lực cho giáo viên giáo dục thể chất như sau:

1. Năng lực tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực
2. Năng lực phát triển chương trình môn học
3. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng thiết bị dạy học
4. Năng lực kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực
5. Năng lực dạy học tích hợp
6. Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh
7. Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu chương trình phổ thông mới
8. Năng lực dạy học thực hành

9. Năng lực tư vấn và hỗ trợ tâm sinh lý học đường

Đổi mới hình thức bồi dưỡng là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, do đó phải tổ chức bồi dưỡng thường xuyên bằng hình thức nào để đáp ứng được nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên, nâng cao chất lượng của công tác bồi dưỡng, không làm ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy của các nhà trường mà vẫn đảm bảo cho đội ngũ giáo viên hoàn thành nhiệm vụ được giao, đây là vấn đề mà nhà quản lý phải quan tâm giải quyết thỏa đáng. Để nâng cao hiệu quả bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường các hoạt động thảo luận, thực hành của giáo viên trong quá trình bồi dưỡng thông qua sinh hoạt chuyên môn tại trường phổ thông. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, bồi dưỡng thường xuyên bằng tự học của giáo viên kết hợp với các sinh hoạt tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ tại tổ chuyên môn, nhóm chuyên môn của nhà trường, liên trường hoặc cụm trường. Hình thức bồi dưỡng này sẽ giúp cho giáo viên chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng, phù hợp với công việc được giao và hoạt động giảng dạy, giáo dục. Để việc tự bồi dưỡng trở thành nhu cầu tự thân và hứng thú của người giáo viên, các cấp quản lý cần chú trọng việc hướng dẫn phương pháp tự bồi dưỡng, cung cấp đầy đủ và kịp thời tài liệu bồi dưỡng liên quan đến chuyên môn sâu của giáo viên, kịp thời động viên khích lệ giáo viên; giáo viên phải tự nhận thức được tự bồi dưỡng không chỉ là một nhiệm vụ mà còn là tiêu chí đánh giá khả năng phát triển liên tục nghề nghiệp của giáo viên.

Thứ hai, bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến theo lớp - chuyên đề do các giảng viên/chuyên gia có kinh nghiệm đề hướng dẫn tự học, thực hành, hệ thống hóa kiến thức, giải đáp thắc mắc, hướng dẫn những nội dung khó, mới đối với giáo viên.

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

Thứ ba, tổ chức cho giáo viên tham quan, thực tế học hỏi từ các trường có kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng nhằm mở rộng mối quan hệ giao lưu, trao đổi những kinh nghiệm trong giảng dạy, từ đó vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong công tác giảng dạy của mỗi giáo viên. Để hình thức này phát huy được hiệu quả, nhà quản lý cần lựa chọn mô hình tham quan tiêu biểu, có những kinh nghiệm hay phục vụ thiết thực cho nội dung bồi dưỡng.

### IV. KẾT LUẬN

Để thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông nói chung, giáo viên giáo dục thể

chất theo chương trình phổ thông mới nói riêng, ngành giáo dục và đào tạo và các trường đại học đào tạo sư phạm nói riêng cần phải có những giải pháp then chốt trong công tác đào tạo giáo viên như: chất lượng đội ngũ giảng viên, đầu vào của sinh viên, phát triển chương trình đào tạo và phương pháp tổ chức dạy học. Bên cạnh đó, cũng cần có các giải pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên đang công tác nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên THPT, Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2011/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2011.

[2]. Đinh Quang Báo, Định hướng phát triển của các trường sư phạm, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2013.

[3]. Nguyễn Cương, Vấn đề xây dựng môn học tích hợp “khoa học tự nhiên” (KHTN) và việc đào tạo giáo viên dạy tích hợp môn KHTN ở các trường sư phạm, Trường ĐHSPT Hà Nội, 2013.

[4]. Nguyễn Anh Dũng, Dạy học tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông, Kỷ yếu hội thảo: Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trong chương trình giáo dục phổ thông mới, TP.Huế, 2014.

[5]. Hoàng Thanh Tú, Ninh Thị Hạnh, Phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông Việt Nam, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục, Tập 33, Số 2, 52-60, 2017.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HỨNG THÚ TRONG GIỜ HỌC LÝ THUYẾT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TĐTT HÀ NỘI

CN. Vũ Thị Huyền, ThS. Đào Thị Hương\*  
TS. Nguyễn Duy Quyết\*\*

**Tóm tắt:** Một trong những đặc thù đối với sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất đó là yếu tố về năng khiếu TĐTT. Chính vì yếu tố thực hành, nên việc học các môn lý thuyết hầu hết sinh viên luôn cảm thấy áp lực, thậm chí được coi là những môn học khô khan, tính thực tế thấp, tính trừu tượng cao nên phần nào khó hiểu và dễ gây nhầm chán trong quá trình học tập. Do đó, việc tạo hứng thú cho người học trong quá trình học tập lý thuyết là việc làm cần thiết để tránh những giờ học trôi qua một cách kém hiệu quả. Vì vậy, cần tổ chức hoạt động học tập để nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của giờ học. Bài viết bước đầu đưa ra một số giải pháp nâng cao hứng thú trong giờ học lý thuyết cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

**Từ khóa:** Giải pháp nâng cao hứng thú học tập, giờ học lý thuyết, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.

**Abstract:** One of the characteristics for students specialized in physical education is that the element of sports talent. Due to practical factors, the study of theoretical subjects makes most students feel pressure, it is even considered dry sciences, low practicality, high abstraction so somewhat confusing and easily boring during learning. Therefore, creating an interest for learners in the process of theoretical learning is necessary to avoid inefficient lessons. So, it is necessary to organize learning activities in order to further improve the effectiveness of class hours. The article initially provides some solutions to enhance the interest in theoretical lessons for students of Hanoi University of Physical Education and Sports

**Keywords:** Solutions to improve the excitement of learning, theoretical lessons, students of Hanoi University of Physical Education and Sports.

### 1. Đặt vấn đề

Hứng thú có vai trò rất quan trọng trong học tập và làm việc, không có việc gì người ta không làm được dưới ảnh hưởng của hứng thú. M.Gorki từng nói: “Thiên tài nảy nở từ tình yêu đối với công việc. Cùng với tự giác, hứng thú làm nên tính tích cực nhận thức, giúp người học học tập đạt kết quả cao, có khả năng khơi dậy mạch nguồn của sự sáng tạo. Sự hứng thú thể hiện trước hết ở sự tập trung chú ý cao độ, sự say mê của chủ thể hoạt động. Sự hứng thú gắn liền với tình cảm của con người, nó là động cơ thúc đẩy con người tham gia tích cực vào hoạt động đó. Khi được làm việc phù hợp với hứng thú, dù phải khó khăn, con người cũng vẫn cảm thấy thoải mái và đạt được hiệu quả cao. Ngược lại, nếu không có hứng thú, dù là

hành động gì cũng sẽ không đem lại kết quả cao. Đối với các hoạt động nhận thức, sáng tạo, hoạt động học tập, khi không có hứng thú sẽ làm mất đi động cơ học, kết quả học tập sẽ không cao, thậm chí xuất hiện cảm xúc tiêu cực. Thực tế cho thấy, một trong những đặc thù đối với sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất là yếu tố về năng khiếu TĐTT. Chính vì yếu tố thực hành, nên việc học các môn lý thuyết luôn là áp lực đối với SV, thậm chí được coi là những môn học khô khan, tính thực tế thấp, tính trừu tượng cao nên phần nào khó hiểu và dễ gây nhầm chán trong quá trình học tập. Do đó, việc tạo hứng thú cho người học trong quá trình học tập là việc làm cần thiết để tránh những giờ học trôi qua một cách kém hiệu quả. Vì vậy, cần tổ



chức hoạt động học tập để nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của giờ học.

### **2. Cơ sở lý luận về hứng thú học tập**

#### **2.1. Khái niệm hứng thú học tập**

Hứng thú học tập là sự định hướng lựa chọn nhằm mục đích của việc vươn lên nắm các kiến thức học tập một cách sâu sắc và toàn diện, đồng thời vận dụng các kiến thức ấy vào cuộc sống.

Trong hoạt động học tập và nghiên cứu sự xuất hiện hứng thú là đặc biệt quan trọng. Trong trường hợp đó, hứng thú được xác định như một xu hướng nhận thức của cá nhân có kèm theo những cảm xúc tốt trong quá trình thỏa mãn nhu cầu đối với một thông tin mới, trước hết và chủ yếu là nhờ vào các cảm giác trí tuệ như ngạc nhiên, ước đoán, tính rõ ràng và lòng tin tưởng.

Hứng thú học tập bao gồm những yếu tố sau:

- Yếu tố nhận thức: Là thái độ nhận thức của cá nhân đối với nội dung môn học ở một mức độ nào đó. Cá nhân ý thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của kiến thức học tập, trong cuộc sống và đối với bản thân cá nhân, hứng thú với nó, muốn hiểu biết nó kỹ hơn, sâu sắc hơn. Như vậy, không có yếu tố nhận thức thì không có hứng thú học tập. Ngược lại, hứng thú học tập là điều kiện, để nhận thức nội dung môn học một cách cơ bản hơn, sâu sắc hơn. Tuy nhiên, thái độ nhận thức không phải là hứng thú học tập, nó không thể thay thế cho hứng thú học tập.

- Yếu tố cảm xúc: Là thái độ cảm xúc đối với nội dung môn học. Nhưng thái độ cảm xúc nhất thời, diễn ra trong chốc lát chưa phải là biểu hiện của hứng thú học tập, mà là cảm xúc tích cực, bền vững của cá nhân đối với tri thức môn học. Vậy hứng thú học tập phải là sự kết hợp giữa nhận thức - xúc cảm tích cực, biểu hiện ra bên ngoài bằng hành động.

#### **2.2. Biểu hiện của hứng thú học tập**

Biểu hiện hứng thú trong học tập là sự say mê nắm kiến thức, luôn luôn tìm tòi học tập cái mới, tích cực và sáng tạo, vận

dụng cái đã học vào hoạt động thực tiễn. Hứng thú học tập là sự kết hợp giữa yếu tố nhận thức và xúc cảm với nội dung của môn học. Do đó, nó tạo ra ở cá nhân sự tích cực và say mê hoạt động. Biểu hiện ở chỗ người học không chỉ nhằm vào tiếp thu tri thức các môn học, nắm vững tri thức đó, mà còn muốn mở rộng tri thức thuộc môn mình thích, việc mở rộng gắn liền với sự sáng tạo, tích cực, tìm tòi... để chiếm lĩnh tri thức ở mức độ ngày càng hoàn thiện hơn, không dừng lại ở những biểu hiện bên ngoài, mà khám phá ra cái bản chất, cái bên trong của những sự kiện, hiện tượng được nghiên cứu.

#### **2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển hứng thú học tập**

Sự hình thành hứng thú học tập phụ thuộc vào nhiều yếu tố như nội dung bản thân môn học, phương pháp giảng dạy của người dạy, tính chất, trình độ, nhu cầu nhận thức của người học.

Yếu tố bên trong:

- Trình độ phát triển trí tuệ của người học

Trình độ phát triển trí tuệ, trước hết giữ một vai trò nhất định trong việc hiểu biết giá trị và ý nghĩa của hoạt động, để tạo nên những tiền đề của hứng thú, sau đó nó giữ vai trò nhất định, trong việc giải quyết vấn đề và nhiệm vụ nhận thức, trong quá trình hình thành hứng thú riêng.

Trình độ phát triển trí tuệ được xem là tiền đề của hứng thú học tập. Thể hiện ở tri thức, kinh nghiệm sống, khả năng lĩnh hội tri thức, tư duy giải quyết vấn đề... đáp ứng được yêu cầu của hoạt động.

- Năng lực của người học

Đối với người học, việc hình thành năng lực phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có hứng thú của người học đối với môn học là rất quan trọng. Hứng thú học tập sẽ kích thích các em tham gia hoạt động, phát huy năng lực,

Năng lực, trình độ phát triển trí tuệ của người học là cơ sở dẫn đến thành công, kích lệ mạnh mẽ đối với sự hình thành và phát triển hứng thú cá nhân.

- Nhu cầu, động cơ của người học

Người học đến trường với mục đích là tiếp thu kiến thức. Nhưng đằng sau mục đích chung này mỗi SV có nhu cầu và động cơ học tập khác nhau. Từ đó, các em có thái độ và tình cảm riêng đối với môn học. Khi nội dung môn học không phù hợp với nhu cầu, động cơ học tập của cá nhân thì các em hứng thú thấp, không hứng thú... với môn học.

Yếu tố bên ngoài:

- Giảng viên

Giáo viên là người đảm nhận vai trò trung gian truyền thụ hệ thống tri thức đến người học, ảnh hưởng rất lớn đến người học về nhận thức, tình cảm. Cách giao tiếp và thái độ của giảng viên đối với người học, ngay từ đầu đã gây cảm tình đối với người học. Có những em quý mến giáo viên giảng dạy vì sự nhiệt tình, tận tụy, yêu mến, giúp đỡ, cởi mở, công bằng, quan tâm tới các em. Từ đó cố gắng học tập vì mình, vì tình cảm đối với thầy cô.

- Đặc điểm môn học

Hứng thú học tập của người học không chỉ là lắng nghe giáo viên giảng bài mà quan trọng phải chiếm lĩnh được tri thức. Biến nội dung bài giảng thành kiến thức riêng của mình, vận dụng, thực hành với kiến thức đó. Do vậy, môn học như thế nào: dễ học, mới lạ, hấp dẫn, có ý nghĩa hay khô khan, trừu tượng, khó hiểu, nhàm chán... tác động tới hứng thú của người học.

Môn học mới lạ, hấp dẫn thu hút sự chú ý của người học là một điểm khởi đầu để hình thành nên hứng thú. Có thể lúc đầu người học chưa nhận thức được ý nghĩa của đối tượng, nhưng do đối tượng có sự hấp dẫn làm nảy sinh tình cảm, thu hút cá nhân tham gia học tập, trong quá trình học tập khi nhận thức được ý nghĩa của môn học, cùng với nội dung của môn học sẽ hình thành ở cá nhân hứng thú với môn học.

- Môi trường học tập

Hứng thú học tập được hình thành bởi những người xung quanh, do tập thể xã hội: bạn bè, cha mẹ,... Con người thường

hứng thú với hoạt động được nhiều người tán thưởng, được đánh giá cao, khi thấy nó đem lại lợi ích cho xã hội và thỏa mãn nguyện vọng của bản thân.

Cơ sở vật chất ở trường đảm bảo, người học dễ dàng tiếp thu bài học và hứng thú với môn học hơn. Khi môi trường học tập xung quanh yên tĩnh, thoáng mát, bàn ghế, ánh sáng, phương tiện giảng dạy tốt sẽ tạo thuận lợi cho các em học tập

Đặc biệt, sách là phương tiện quan trọng tạo hứng thú cho con người. Sách luôn là cuộc sống đối với con người, là một hình thức tự học, tự giáo dục tốt nhất. Sách giúp con người giải thích được nhiều điều mà con người muốn tìm hiểu, giúp con người thoải mái được sự tò mò của mình.

Như vậy, điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến tâm lý của người học, tạo điều kiện thuận lợi hay không thuận lợi cho sự hình thành và phát triển hứng thú học tập.

### **3. Thực trạng về hứng thú học tập các môn học lý thuyết tại Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội**

Trong những năm gần đây, việc học tập các môn học lý thuyết của SV Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội vẫn còn nhiều hạn chế, chưa mang lại hiệu quả như mong muốn, không ít SV sợ học các môn lý thuyết, coi việc học các môn lý thuyết là một việc mệt nhọc, những kỳ thi là cực hình. Nhiều SV học tập các môn lý thuyết với một thái độ thờ ơ, ít hứng thú. Việc học tập phần nào còn mang tính đối phó, chưa chủ động và tích cực, biểu hiện ở hiện tượng SV ít phát biểu, tham gia không tích cực vào các hoạt động thảo luận. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó có các nguyên nhân từ bên trong như:

Năng lực của người học chưa cao do đầu vào tuyển sinh thấp nên tri thức, kinh nghiệm sống, khả năng lĩnh hội tri thức, tư duy giải quyết vấn đề của SV còn hạn chế. Bên cạnh đó, nhu cầu và động cơ học tập của SV còn thấp chính vì vậy SV học tập với một thái độ thờ ơ, ít tập trung. Ngoài

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

ra còn có nguyên nhân xuất phát từ bên ngoài như:

Đặc điểm của môn học: Các môn lý thuyết phần lớn là khô khan, mang tính trừu tượng cao, khó hiểu, tính thực tế, thực hành thấp nên dễ gây cho SV sự nhàm chán trong học tập.

Sinh viên sau khi học tiết 1, 2 ngoài sân bãi vào học môn lý thuyết thường buồn ngủ vì sau giờ học thực hành phải bỏ ra năng lượng khá lớn...

Trong quá trình học tập theo tâm lý của sinh viên phần lớn chỉ tập trung vào các môn học thực hành có liên quan trực tiếp đến những môn họ sẽ ra công tác sau này mà thờ ơ, coi nhẹ việc học các môn lý thuyết. Điều gì chi phối thái độ của các em đối với các môn lý thuyết và làm thế nào để nâng cao hứng thú, tích cực của SV trong giờ học các môn lý thuyết. Chính là trong suy nghĩ của các SV chỉ coi các môn lý thuyết là môn phụ. Hầu hết sinh viên tập trung cho việc học chuyên ngành là chính. Khi môn chuyên ngành được tập trung một cách tối đa như vậy thì đồng nghĩa với việc những môn học phụ bị xem nhẹ.

### **4. Các nguyên tắc được áp dụng khi đề ra giải pháp nhằm nâng cao hứng thú trong giờ học các môn lý thuyết**

Dựa trên các tài liệu về quan điểm và nguyên tắc được áp dụng khi xây dựng biện pháp nhằm nâng cao tính hứng thú đó là:

- Nguyên tắc tính thực tiễn: các biện pháp phải xuất phát từ thực tiễn của đất nước, của ngành nói chung và của từng trường nói riêng.

- Nguyên tắc tính đồng bộ: các biện pháp phải đa dạng nhiều mặt và trực diện giải quyết các vấn đề của thực tiễn.

- Nguyên tắc tính khả thi: các biện pháp đề xuất phải có được khả năng thực thi.

- Nguyên tắc bảo đảm tính khoa học: các biện pháp phải mang tính khoa học và giải quyết vấn đề có tính khoa học.

Trong bốn nguyên tắc trên, nguyên tắc tính thực tiễn và tính khả thi là hai nguyên tắc được áp dụng nhiều nhất, bởi phải căn

cứ vào thực trạng cụ thể của nhà trường về cơ sở vật chất, nhận thức của SV về thể dục thể thao, nhu cầu động cơ đến với thể dục thể thao của SV... để lựa chọn các giải pháp, có như vậy các giải pháp mới mang tính khả thi.

### **5. Các giải pháp nâng cao hứng thú trong giờ học các môn lý thuyết**

Đề đưa các môn lý thuyết trong nhà trường ngày một vững mạnh và phát triển dựa trên cơ sở vật chất vốn có của nhà trường và nhu cầu thực tiễn đào tạo nguồn nhân lực mới phục vụ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, chúng tôi đưa ra một số giải pháp cụ thể sau:

\* Về môn học: Tăng cường giáo dục ý nghĩa mục đích môn học: thông qua giờ học nội khóa, các bản tin, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, các cuộc hội thảo... Không ngừng cải tiến giáo trình, đổi mới nội dung chương trình, phù hợp với sự yêu thích của SV và điều kiện cụ thể của nhà trường.

\* Về bản thân sinh viên: Sinh viên cần tự giác, nghiêm túc, tích cực trong học tập nói chung và đối với môn học GDTC nói riêng, rèn luyện cho mình thói quen tập luyện thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe. Muốn nâng cao hứng thú của sinh viên trước hết phải hình thành, giáo dục động cơ học tập, nhu cầu học tập đúng đắn. Động cơ học tập tốt không tự động có mà cần phải được xây dựng, hình thành trong quá trình SV đi sâu chiếm lĩnh tri thức với sự hướng dẫn của thầy cô giáo. Động cơ học tập là muôn hình muôn vẻ, muốn phát động động cơ học tập đúng đắn, động cơ chiếm lĩnh tri thức thì trước hết cần phải khơi dậy ở các em nhu cầu nhận thức, nhu cầu chiếm lĩnh đối tượng học tập vì nhu cầu chính là nơi khơi nguồn của tính tự giác, tính tích cực học tập. Cần tuyên truyền, giáo dục cho SV nhận thức được vị trí và vai trò của các môn lý thuyết trong việc rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn.

\* Về phía giảng viên, hứng thú học tập của SV được tăng cường phần lớn chịu sự

## DIỄN ĐÀN - TRAO ĐỔI

ảnh hưởng bởi giảng viên. Do đó giảng viên cần không ngừng trau dồi kỹ năng, phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp, cải tiến phương pháp giảng dạy, đảm bảo việc truyền thụ tri thức ngày càng chính xác, hấp dẫn, có chất lượng. Giảng viên cần giúp cho SV thấy được ý nghĩa và vai trò của các kiến thức môn học đối với cuộc sống; giúp SV biết cách học thích hợp đối với mỗi bộ môn, nắm vững lý thuyết, luôn có sự vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống và giải quyết các tình huống trong đời sống theo các khía cạnh khác nhau. Trong giảng dạy, cần chỉ ra được cái mới, cái phong phú, nhiều hình nhiều vẻ, tính chất sáng tạo và triển vọng trong hoạt động học tập để tạo ra hứng thú vững chắc cho học sinh trong quá trình học tập. Giảng viên cần phải tác động vào cả nhận thức, hình thành xúc cảm cũng như hành động của sinh viên. Về nhận thức, giảng viên cần SV nhận thức đúng, đầy đủ về môn học. Về xúc cảm: tạo không khí thoải mái, vui vẻ trong giờ học, đánh giá công bằng, cải tiến nội dung, phương pháp dạy... Về hành động: tạo điều kiện học tập tốt, đưa vào dạy những môn học phù hợp đa số SV, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, tham gia các câu lạc bộ thể dục thể thao và các phong trào thể thao do nhà trường và địa phương tổ chức.

Giảng viên cần áp dụng phương pháp dạy học theo hướng tích cực trong quá trình dạy học, có phương pháp giảng dạy phù hợp và linh hoạt: giúp tinh thần học tập của SV tốt hơn. Giảng viên cần tận dụng tốt phương pháp. Giảng viên cần xây dựng tốt mối quan hệ: thầy - trò, thường xuyên quan tâm, khuyến khích, kiểm tra, đánh giá đúng, công bằng, tôn trọng SV nhiệt tình dạy dỗ, biết cố vũ, khích lệ,

động viên các em học tập: giúp các em tự tin và mạnh dạn thực hiện động tác kỹ thuật cho giáo viên xem và sửa chữa lỗi kỹ thuật cho các em, đồng thời thông qua biện pháp này, tình cảm giữa thầy và trò sẽ được cải thiện một cách rõ rệt. SV không ngại gần gũi và chia sẻ với thầy về những khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống. Giảng viên cần đưa ra chỉ tiêu phấn đấu cho từng nội dung và toàn lớp học, tạo ra không khí thi đua trong lớp học. Sau mỗi giờ trên lớp, giảng viên giao nhiệm vụ về nhà cho SV. Giảng viên là tấm gương tốt về tự học, nghiên cứu. Đây là yếu tố quyết định.

\* Về phía nhà trường, các cấp quản lý, thường xuyên tổ chức các hoạt động hội thảo chuyên đề cho từng lĩnh vực. Điều đó sẽ kích thích sự hăng hái thi đua, cạnh tranh lành mạnh. Tổ chức các buổi ngoại khóa, trò chuyện, giao lưu giữa thầy cô - SV nhằm khắc phục những khó khăn gặp phải trong quá trình học tập. Từ đó, tìm thấy tiếng nói chung, sự đồng thuận giữa SV để các em cùng giúp nhau học tốt hơn.

### 6. Kết luận

Việc tạo hứng thú học tập cho sinh viên trong học tập các môn lý thuyết là điều rất quan trọng, nó là điều kiện tiên quyết, là cách tối ưu nhất giúp các em sinh viên lĩnh hội tri thức cũng như đảm bảo cho sự thành công trong cuộc đời của mỗi cá nhân. Điều này, đặt ra yêu cầu cấp thiết cho hoạt động giáo dục là phải tổ chức dạy và học như thế nào để hình thành và nâng cao hứng thú cho sinh viên. Muốn vậy cần phải triển khai đồng bộ các giải pháp và cần có sự chung tay giúp sức của tất cả các đơn vị trong toàn trường

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình tâm lý học đại cương - PGS.TS. Nguyễn Xuân Thức-NXB ĐHSPHN 2005
2. Xavier Roegiers (1996), “ Khoa sư phạm tích hợp- Làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường”, NXBGD
3. Bộ GD&ĐT (2015): Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo giáo viên (Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo)